

TRUC-KHÊ

NGUYỄN-TRAI THI VĂN TẬP

**TẬP THƠ VĂN CỦA NGUYỄN-TRAI,
PHIÊN - DỊCH VÀ CHÚ - THÍCH**

có nguyên-văn chữ Hán

1945

Nhà in LÊ-CƯƠNG

75. Hàng Bè. Hà Nội

==== xuất - bản ====

TRÚC-KHE

ỨC-TRAI

THI VĂN TẬP

TẬP VĂN, THƠ CỦA NGUYỄN-TRAI
(CHỦ THỊCH VÀ PHIÊN-DỊCH)

NHÀ XUẤT-BẢN
LÊ-CUONG
= HANOI =

Tiểu dẫn

Tôi đã từng viết quyển « Nguyễn Trãi », in trong tủ sách 'Tao-Đàn' của nhà Tân-Dân năm 1941. Song quyển ấy viết với thể văn truyện-ký, chuyên chú về phần lịch-sử của Ưc-trai tiên-sinh, tuy có phụ ít nhiều thơ văn, nhưng chỉ là một phần rất nhỏ. Nay nghĩ tiên-sinh không những lịch sử đáng truyền mà thơ văn cũng rất đáng đề cho người sau truyền tụng ; những văn-phẩm đã có giá-trị về đường nghệ-thuật lại còn có tính chất quan-hệ đến quốc-sử nữa. Bởi vậy không nề thiển-lậu, trích lấy một số bài trong các tập Thi, Văn và Quân-trung Từ-mệnh, toàn bằng chữ hán, phiên-dịch và chú-thích, đề đem cống-hiến cùng các bạn hiếu văn. Đối với toàn tập, đây mới là một phần trong ba bốn phần ; nhưng nếu sự dịch thuật của tôi không đến nỗi kém cỏi lắm thì dù chỉ có bấy nhiêu, cũng có thể khiến duyệt - giả chỉ ném một miếng mà biết được mùi mẫn của cả cái vạc lớn.

TRÚC - KHÊ
Décembre 1943

TIÊU SỬ CỦA

ỨC-TRAI TIÊN-SINH

Ức-trai tiên-sinh họ Nguyễn tên Trãi (1380 - 1442), người làng Nhị-kê huyện Thượng phúc (Thường - tín Hà-đông). Tiên-sinh là con gái ông Nguyễn Phi-Khanh, tiến-sĩ tiền triều nhà Trần, và là cháu ngoại ông Chương-túc-hầu Trần Nguyên-Đán.

Năm tiên sinh 21 tuổi, thi đậu Thái-học-sinh (như tiến sĩ) khoa Canh thìn (1400) về triều nhà Hồ, làm quan đến chức Ngự-sử-đài chính-chưởng.

Đến khi Hồ mất, cha là Nguyễn - Phi - Khanh đương làm chức quan to ở triều nhà Hồ, bị quân Minh bắt đưa về Tàu. Tiên-sinh theo cha lên đến cửa Nam-quan, nhưng cha khuyên nên trở về, lo rửa hổ cho nước, trả thù cho cha. ấy là đại hiếu.

Vâng lời cha, tiên-sinh quay về, sau nghe vua Lê Thái-tổ khởi nghĩa ở Lam-sơn (Thanh-hóa), tìm vào phò tá. Trong 10 năm, nào hoạch kế bày mưu, nào thảo những văn-thư mệnh-lệnh, giúp Thái-tổ được rất nhiều việc. Vua Lê đánh đuổi được quân giặc, gây dựng được nghiệp lớn; chính là nhờ công lao của tiên-sinh một phần rất to.

Ban đầu tiên-sinh lĩnh chức Hàn lâm Thừa-chỉ học-sĩ; năm đinh mùi (1427) được gia thăng Nhập - nội hành - khiển, Lại-bộ Thượng-thư; rồi năm Thuận - thiên nguyên niên (1428), sau khi đại-định, được phong tước Quan - phục hầu. Nhà Lê lúc mới dựng nghiệp, những công việc định lại pháp chế, đặt ra điển lễ, phần nhiều do tay tiên-sinh cả.

Tiên-sinh có người thiếp là Nguyễn thị Lộ, đẹp và hay chữ. Đời vua Thái-tôn, vua thường vời nàng vào cung châu hầu. Trong năm Đại bảo thứ 3 (1442), vua Thái-tôn đi tuần miền đông, trở về đến Lệ-chi-viên ở huyện Gia-định (Gia-bình, Bắc ninh) không may bị bạo bệnh mà mất. Khi vua mất, có Thị-Lộ hầu ở bên cạnh. Nhân thế người ta vu cho Thị-Lộ giết vua và buộc tội đến cả tiên-sinh, tiên-sinh bị xử vào tội tru di tam tộc. Ai cũng thương là oan.

Tiên-sinh làm ra văn chương cũng nhiều, về phần chữ Hán có tập *Ức-trai thi-tập*, *Ức-trai văn tập* *Quân-trung từ-mệnh tập* sách *Dư địa chí*, và phần chữ viết có tập *Giáo-huấn* ca truyền ở đời.

Văn chương của tiên-sinh có khí lực dồi dào. Khoảng năm Thuận - thiên, làm những bài văn như *Bình Ngô đại cáo*, bia *Thần-đạo* ở Vĩnh-lăng tại Lạm-kinh, khoảng năm Thuận-bình, viết những bài chế tặng phong bà Chiêu-Nghị, đều là những bài văn đọc rất khoái trá miệng người cả.

Tính tiên-sinh điềm đạm, và tuổi già có chí ăn dật, chán đường danh lợi, chí ấy thường phát lộ ra ở trong nhiều bài thơ. Thơ của tiên-sinh từng được các nhà phê bình ngợi khen. Ông Bùi Tồn-Am bình phẩm về thơ nói : « Lời nhanh ý mạnh, không quên quân thân thì là ông Nguyễn Trãi »

Hiện nay tại quê hương còn có đền thờ và có bức chân tượng .

Thi tập

暮春即事

Mộ-xuân tức sự

閑中盡日閉書齋

Nhàn trung tận nhật bế thư-trai,

門外全無俗客來

Môn ngoài toàn vô tục khách lai.

杜宇聲中春向老

Đỗ-vũ thanh trung xuân hướng lão,

一庭疎雨棟花開

Nhất đình sơ vũ luyến hoa khai.

PHIÊN DỊCH

Xuân-muộn tức cảnh (1)

Trong khi nhàn rảnh suốt ngày đóng cửa buồng sách lại mà ngồi một mình, ngoài cửa toàn không có một kẻ khách tục nào đến. Trong tiếng chim đỗ-vũ (2) kêu, tỏ thấy rằng xuân đã về già tức là

sắp hết rồi, một sân lác đác mưa thưa và hoa soan đã nở. (3)

CHÚ THÍCH

(1) Xuân muộn tức là tháng ba, bài thơ này viết cảnh tháng ba.

(2) Chim đỗ-vũ tức là chim cuốc. Sách Tàu nói vua nước Thục đời xưa tên là Đỗ-Vũ, chết đi hồn hóa làm chim cuốc. Vì thế người ta gọi chim cuốc là chim đỗ-vũ.

(3) Sách Nhĩ-nhã : cây soan tháng ba nở hoa, mùi thơm đầy sân.

DỊCH VĂN

*Ngày nhàn khép chặt cửa buồng vắng,
Khách tục không ai bên lối gần.
Tiếng cuốc gào xuân xuân sắp hết,
Hoa soan mới nở dưới mưa nhuần.*

...

村舍秋砧

Thôn xá thu chiêm

滿江何處響東丁

Mãn giang hà xứ hưởng đông đình,

夜月偏憐人客情

Dạ nguyệt thiên liên cửu khách tình.

一種蕭關征婦怨

Nhất chủng Tiêu-quan chinh phụ oán,

總將離恨入秋聲

Tổng tương ly hận nhập thu thanh

PHIÊN DỊCH

Ngày thu nghe tiếng nện vãi trong xóm

Đầy sông vang tiếng thỉnh thỉnh từ ở đầu đến, giữa lúc đêm trăng làm cho nao lòng kẻ lâu ngày làm khách phương xa. Trong tiếng ấy nhận thấy có cả mối tình sầu oán của người chinh phụ mà chồng phải đi đóng tạn ải Tiêu-quan (1). người ta đã đem cái hờn ly-biệt trộn lẫn vào trong tiếng thu ấy.

CHÚ THÍCH

(1) Tiêu-quan là một cửa ải ở về tỉnh Cam-túc, phía tây bắc nước Tàu, nguyên xưa là một trong bốn cửa quan-ải của xứ Quan-trung, khoảng đời Đường, Tống, có đắp thành đóng quân ở đấy để phòng ngự Tây-Hạ. Quân lính phải đi thú lên đấy xa xôi lấy làm buồn khổ. Chữ Tiêu-quan ở đây, chỉ có nghĩa là một ải xa.

DỊCH VAN

*Đầy sóng tiếng nện thình thình,
Đêm trăng khách vẫn vương tình gia hương.
Lăn vào cả tiếng sầu thương,
Của người chinh phụ nhớ chàng ải xa.*

...

題 伯 牙 鼓 琴 圖

Đề « Bá-nha cồ cầm đồ »

鍾期不作鑄金難
Chung kỳ bất tác, chú kim nan,
獨抱瑤琴對月彈
Độc bâu dao cầm đối nguyệt đàn.
靜夜碧霄涼似水
Tĩnh dạ bích tiêu lương tự thủy,
一聲鶴唳九臯寒
Nhất thanh hạc lệ cửu cao hàn.

PHIÊN DỊCH

Đề bức tranh « Bá-Nha gảy đàn »

Chung Kỳ đã mất rồi, khó lấy vàng mà đúc lại được (1), một mình ngồi ôm cây dao-cầm đối trước bóng trăng mà gảy. Đêm vắng trời xanh

mát tựa nước, một tiếng hạc kêu làm cho lạnh giá cả chín khu (2) đầm.

CHÚ THÍCH

(1) Sách *Liệt-tử* chép: Đời nhà Chu, Bá-Nha giỏi đàn, lại có Chung Tử-Kỳ là người nghe đàn sành lắm. Trong lúc gảy, Bá-Nha để chỉ ở trên núi cao, Tử-Kỳ nói : *tiếng đàn vui vui như núi cao*, Bá-Nha để chỉ ở dòng nước chảy, Tử-Kỳ nói : *tiếng đàn cuộn cuộn như nước chảy*. Sau Tử-Kỳ chết, Bá-Nha cho là đời không còn ai là tri âm, bèn rút dây đàn không gảy nữa. — Trong « *Toàn Đường thi tập* » có câu thơ của một nhà thơ : *An năng đắc hoàng kim, chủ tác Chung Tử-Kỳ*. Nghĩa là : Ước gì được vàng đỏ, dục nên Chung Tử-Kỳ.

(2) Đây chắc là trong tranh vẽ con chim hạc. Kinh Thi có câu : « *Hạc minh vu cửu-cao* », nghĩa là hạc kêu ở chỗ chín cái đầm, câu thơ trên này có ý tả cái cô-quạnh của con chim hạc vắng bạn, dùng ánh chiếu vào người.

DỊCH VĂN

Vàng khôn dục lại Chung Kỳ,
So đây ngồi dưới trăng khuya dạo đàn.
Trời như nước mát, đêm nhàn,
Hạc kêu một tiếng bay lan chín đầm.

偶 成
Ngẫu thành

世 上 黃 梁 一 夢 餘

Thế thượng hoàng lương nhất mộng dư

覺 來 萬 事 總 成 虛

Giác lai vạn sự tổng thành hư

如 今 只 愛 山 中 住

Như kim chỉ ái sơn trung trụ,

結 屋 花 邊 讀 舊 書

Kết ốc hoa biên đọc cựu thư.

PHIÊN DỊCH

Cuộc đời khác đâu một giấc mộng.

Kê vàng (1) sau khi tỉnh dậy muòn việc đều thành không hết. Nay ta chỉ thích ở trong núi làm nhà ở bên hoa mà đọc lại những sách ngày xưa.

CHÚ CHÍCH

(1) Sách « Trầm-trung-kỳ » chép : Đời Đường Lư-Sinh vào trong một quán trọ ở đất Hàm-dan, gặp một đạo-nhân là Lã-ông, Sinh than mình nghèo nàn ; Lã-ông nhân lấy ở trong bọc ra một cái gối trao cho mà rằng : Gối, cái này sẽ được trở nên về vãng-sung sướng như lòng ước muốn. Bấy giờ chủ trọ đương nấu một nồi kê vàng,

Sinh năm gối ấy, chiêm bao thấy mình lấy vợ con gái họ Thôi, nàng đẹp mà dễ nhiều, Sinh đỗ tiến-sĩ, làm quan trải thăng lên đến Tiết-độ-sứ, đánh phá được giặc, làm tể-tướng trong 10 năm. Con giai năm người, đều làm quan, cháu có đến hơn 10 người, dâu-gia đều với những nhà vọng-tộc. Thọ hơn 80 tuổi mới mất. Lúc tỉnh dậy, nôi kê vẫn chưa chín, Sinh kinh ngạc nói : « có lẽ là mình chiêm-bao chăng ? » Lã-ông cười : « Việc trong đời người ta, cũng như thế cả ».

Người sau gọi giấc mộng ấy là giấc *hoàng lương* (kê vàng) ; cũng gọi là giấc *hàm-dan*.

Bài này tác-giả làm khi tri-sĩ về ở Côn-sơn

DỊCH VĂN

*Đời như giấc mộng kê vàng,
Tỉnh ra muôn việc mơ màng, hư không.
Rừng sâu riêng thú thung dung,
Ba gian lều nhỏ, mấy chõng sách xưa.*

俗 翠 山
Dục thúy sơn

海 口 有 仙 山
Hải khẩu hữu tiên san,
年 前 屢 往 還
Niên tiền lữ vãng hoàn.
蓮 花 浮 水 上
Liên hoa phù thủy thượng,
仙 境 墜 人 間
Tiên cảnh trụy nhân gian,
塔 影 替 青 王
Tháp ảnh trảm thanh ngọc,
波 光 鏡 翠 鬟
Ba quang kính thúy hoàn,
有 懷 張 少 保
Hữu hoài Trương thiếu bảo,
碑 刻 蘚 花 斑
Bì khắc tiền hoa ban.

PHIÊN DỊCH

núi Dục-thúy (1)

Cửa bể có ngọn non tiên ấy là nơi năm trước ta từng qua lại. Hình núi ấy như đoá hoa

sen nổi ở trên nước, đó thật là cảnh tiên rơi xuống cõi người. Bồng tháp (2) như cái trâm chuốt bằng ngọc xanh, ánh sáng như tấm gương soi mái tóc biếc (3) Lên chơi đây, lại nhớ đến quan Thiệu-bảo họ Trương (4) khi trước, lần xem tấm bia đề thơ thì lốm đốm những vết rêu trùn (5).

CHỮ THÍCH

(1) Núi Dục-thủy ở làng Chính-đại phủ An-khánh, tức ở tỉnh lý Ninh-bình bây giờ. Trước tên là núi Non-nước, ông Trương Hán-Siêu-đời nhà Trần đổi gọi núi Dục-thủy. Tuổi già, ông thường nghỉ quan về ở đây.

(2) Trên núi có tháp Linh-tế.

(3) Mái tóc đây là ví trái núi soi xuống gương nước.

(4) Thiệu bảo họ Trương tức là ông Trương Hán-Siêu.

(5) Ông Trương có thơ khắc bia đá.

DỊCH VĂN

Cửa bể có non tiên,
Nằm xưa từng xuống lên.
Cõi phàm rơi cảnh lạ,
Mặt nước nổi hoa sen.
Tháp dựng cảnh trâm ngọc,
Dòng soi mái tóc huyền.
Dấu xưa Trương Thiệu-bảo,
Bia đá ngấn rêu hoen.

寄友
Ký hữu

平生世路嘆迢迢

Bình sinh thế lộ than truân-chiến,

萬事惟應付老天

Vạn sự duy ưng phó lão thiên.

寸舌但存空自信

Thốn thiết dãn tồn không tự tín,

一寒如故亦堪憐

Nhất hàn như cố diệc kham liên.

光陰倏忽時難再

Quang-âm thúc hốt thời nan tái,

客舍淒涼夜似年

Khách-xá thê lương dạ tựa niên.

十載讀書貧到骨

Thập tải độc thư bần đáo cốt,

盤無苜蓿坐無氈

Bàn vô mục túc tọa vô chiên.

PHIÊN DỊCH

Gửi cho bạn

Trên con đường đời những than mình gặp
nỗi truân-chiến nhưng muôn việc dở hay chỉ

nên phó mặc cho giới già cả. Tắc lười hãy còn, vẫn tin là đủ để làm nên kia khác, nhưng mà vẫn nghèo nàn như cũ, thực cũng nên thương. Quang âm vi vút, thì giờ đã đi không trở lại. Quán khách lạnh lùng, đêm dài đằng đẵng như nam. Mười năm đọc sách mà nghèo kiết đến xương, mâm không có rau muống mà ăn, giường không có tấm chiếu mà ngồi.

CHÚ THÍCH

(1) Đây là bài thơ gửi cho bạn, những tình sự trong bài đều là tình sự của người bạn cả.

DỊCH VĂN

*Truân chiến từng ngán bước đường đời,
Muôn việc đành thôi phó mặc giới.
Tắc lười dẻo dai thường tự tin,
Mà nghèo lẫn quất vẫn không thôi.
Lạnh lùng khách xá đêm dài mảy,
Vi vút quang âm bóng xế rồi.
Đọc sách mười năm nghèo đến tủy,
An không rau muống, chẳng chiến ngồi.*

夏 日 謾 成

Hạ nhật mạn thành

傳 家 舊 業 只 青 氈

Truyền gia cựu nghiệp chỉ thanh chiên,

離 亂 如 今 命 苟 全

Ly loạn như kim mệnh cầu toàn.

浮 世 百 年 真 似 夢

Phù thế bách niên chân tự mộng,

人 生 萬 事 總 關 天

Nhân sinh vạn sự lòng quan thiên.

一 壺 白 酒 消 塵 慮

Nhất hồ bạch tửu tiêu trần慮,

半 榻 清 風 足 午 眠

Bán榻 thanh phong túc ngọ miên.

惟 有 故 山 心 未 斷

Duy hữu cố sơn tâm vị đoạn.

何 時 結 屋 向 梅 邊

Hà thời kết ốc hướng mai biên ?

PHIÊN DỊCH

Ngày hè phỉm vịnh thành bài

Nghệp cũ đời truyền trong nhà chỉ có tấm
chiên xanh (1). Trải qua bao hồi loạn lạc, nay

tính mệnh còn được an toàn. Cảnh phù thể trăm năm thật như giấc mộng ; đời người ta muôn việc đều bởi tự giới. Thôi thì : mượn một bầu rượu trắng, tiêu mỗi trần-lự, sẵn nửa giường gió mát, ngon giấc ngủ trưa. Nhưng mà mỗi lòng tưởng nhớ núi xưa có cắt đứt được đâu, biết bao giờ được về làm nhà mà ở bên gốc mai trong núi ?

CHỮ THÍCH

(1) Sách « Thế-thuyết » nói : Vương Tử-Kinh đêm nằm trong nhà, có lũ kẻ trộm vào вор vét hết các vật. Vương ung dung nói : « Này anh trộm, tấm chiếu xanh kia là vật cũ của nhà ta, anh bớt lại cho ta nhé. » Câu thơ này ý nói cảnh nhà thanh bạch.

DIỆP VĂN

*Nghiep nhà có tấm chiếu xanh,
Loạn lự may được còn lành tấm thân.
Trăm năm một giấc mộng trần,
Dủi dủi muốn việc giới gần quanh ta.
Tiêu sầu, rượu dốc bầu hoa,
Ngủ trưa, gió mát đi qua giường nằm.
Non xưa mắt mỗi đêm đăm đăm.
Lêu tranh bao được về nằm bên mai ?*



歸 崑 山 舟 中 作

Quy Côn-sơn chu trung tác

十 年 飄 轉 嘆 蓬 萍

Thập niên phiêu chuyển than bồng bình

歸 心 搖 搖 日 似 旌

Quy tâm dao dao nhật tự tinh.

幾 托 夢 魂 尋 故 里

Kỷ thác mộng hồn tìm cố lý.

空 將 血 淚 洗 先 塋

Không tương huyết lệ tẩy tiên dinh

兵 餘 斤 斧 嗟 難 禁

Binh dư cân phủ ta nan cấm,

客 裡 江 山 只 此 情

Khách lý giang sơn chỉ thử tình.

鬱 鬱 寸 懷 無 柰 處

Uất uất thốn hoài vô nại xứ,

船 窓 推 枕 到 天 明

Thuyền song thôi trẩm đáo thiên minh.

PHIÊN DỊCH

Về Côn-sơn ngồi ở trong thuyền làm ra
Mười năm trôi giạt than cho thân bèo bọt,

tấm lòng nhớ quê ngày nào cũng lão lướt như lá
cờ bay (1). Mấy lần nhờ hồn mộng tìm về quê
xưa luống đem dòng lệ máu rầy vào mồ mả của
tiên-lỗ. Trải cuộc binh đao, ai ngăn cấm được
những riu búa đập hạt cây cối trong cánh rừng
ấy, đất khách bấy lâu, lòng chỉ thác mác đến cảnh
non sông này. Đường về chưa đến nơi, lòng nóng
nảy bứt rứt không sao chịu nổi, đẩy cửa sổ thuyền
và nằm gối lên cho mãi đến lúc giờ sáng.

CHỮ CHÍCH

(1) Thơ Đường : *Ngã tâm huyền bãi chính
diều diều*, Nghĩa là lòng ta như lá cờ treo thường
bay lão lướt, nói về sự mong nhớ.

DỊCH VĂN

Mười năm trôi giạt bình bồng,
Lòng quê lão lướt bay tung lá cờ.
Từng khi hồn gửi trong mơ,
Tiên phần reo rắc lệ mưa mấy hàng:
Loạn ly riu búa phủ phàng,
Phương giới khách những bàng hoàng khôn
Nỗi lòng bứt rứt đêm nay, [khua
Cửa thuyền nằm khên chờ ngày sáng ra.

海口夜泊有感

Hải khẩu dạ bạc hữu cảm

湖海年來興未闌

Hồ hải niên lai hứng vị lan

乾坤到處覺心寬

Càn khôn đảo xứ giác tâm khoan.

眼邊春色薰人醉

Nhôn biên xuân sắc huân nhôn túy,

枕上潮聲入夢寒

Trầm thượng trào thanh nhập mộng hàn

歲月無情雙鬢白

Tuế nguyệt vô tình song mấn bạch,

君親在念寸心丹

Quân thân tại niệm thốn tâm đan.

一生事業殊堪笑

Nhất sinh sự nghiệp thù kham tiếu,

贏得浮名落世間

Doanh đắc phù danh lạc thế gian.

PHIÊN DỊCH

Cửa bể đêm đậu thuyền có cảm

Hồ bể lênh đênh bấy nhiêu năm mà ý hứng vẫn chưa thấy cạn ; trong khoảng trời đất, đi đến đâu

thấy lòng khoan khoái ra đến đây, màu xuân trước mắt nó hun cho người say, tiếng sóng bên gối nó làm cho giấc mộng phải lạnh. Năm tháng vô tình đã điểm bạc đôi mái tóc ; một mảnh lòng son lúc nào cũng tưởng nhớ đến quân thân (1) một đời sự nghiệp, thật cũng nên cười, rút lại là chuốc được cái danh hảo-huyền ở trên cơ thể.

PHIÊN DỊCH

(1) Quân là vua, thân là cha mẹ.

DỊCH VĂN

Bề hồ ý hứng chưa tàn,
Bước chân càng rộng càng khoan khoái lòng,
Xuân hun khóe mắt say nồng,
Sóng dồn bên gối lạnh lùng giấc mơ.
Tháng ngày nhuộm bạc đầu tơ,
Lòng mong quân phụ khôn mờ tấc son.
Một đời sự nghiệp khá buồn,
Trăm năm còn một tiếng đồn mong manh.

...

乞人畫崑山圖

Khất nhân họa Côn-sơn đồ

半生邱壑廢登臨

Bán sinh khâu hác phế đăng lâm,

亂後家鄉費愛尋

Loạn hậu gia hương phí mộng tìm.

石畔松風獵勝簫

Thạch bần tùng phong có thắng thưởng.

澗邊梅影負清吟

Giản biên mai ảnh phụ thanh ngâm,

烟霞冷落腸堪斷

Yên hà lãnh lạc trường kham đoạn,

猿鶴蓄條意匪禁

Viên hạc tiêu điều ý phi cấm.

憑伏人間高畫手

Bằng trượng nhân gian cao họa thủ,

筆端寫出一般心

Bút đoạn tả xuất nhất bān tâm.

PHIÊN DỊCH

Nhờ người vẽ giúp cảnh Côn-sơn (1)

Nửa đời người bỏ thú chơi núi thăm khe (trở Côn-sơn) sau hồi loạn lạc, đã nhiều lần chiêm bao lần-quất về chốn quê hương ấy (cũng trở vào Côn-sơn, vì đấy là tổ-quán). Gió thông bờ đá, biết bao cuộc thắng thưởng, mình đã bỏ hoài; bóng mai bên suối, biết bao thứ thanh-ngâm mình đã cô phụ. Khói mây tẻ lạnh, ruột như muốn đứt, vượn hạc tiêu điều, buồn biết bao nhiêu, nhờ tay vẽ giỏi ở nhân gian, hãy dùng ngọn bút vẽ giúp cảnh ấy với cả tấm lòng mến cảnh này.

CHÚ THÍCH

(1) Tiên-sinh vì tưởng nhớ ông ngoại là Trần Nguyên-Đán, bèn nhờ người vẽ hộ một bức bản-đồ Côn-sơn là nơi Trần-Công ở ẩn khi xưa, đoạn soạn bài *Băng-hồ di sự* kể tiểu-sử của Trần-công mà chép vào sau bức bản-đồ ! bài *Băng-hồ di-sự* xem ở phần văn-tập.

DỊCH VĂN

*Nửa đời xa cách suối rừng,
Loạn xong, quê cũ vẫn từng chiêm bao.
Gió reo bờ đá ào ào,
Bóng mai bên suối phụ bao thi tình.
Khói mây lạnh lẽo buồn tênh,
Trơ vơ vượn hạc, có dành lòng đau.
Nhờ tay danh họa vì nhau,
Bức tranh vẽ hộ cả màu nhớ nhung.*



秋 日 偶 成

Thu nhật ngẫu thành

*蓁 蓁 墜 葉 響 庭 皋
Tiêu tiêu trụy diệp hưởng đình cao,
病 骨 纔 蘇 氣 轉 豪
Bệnh cốt tài tố khí chuyển hào.
天 地 斯 文 從 古 垂
Thiên địa tư văn tòng cổ trọng,*

湖山清興入秋高

Hồ sơn thanh hứng nhập thu cao.

鏡中白髮偕人老

Kính trung bạch phát giai nhân lão.

身外浮名謾爾勞

Thân ngoài phù danh mạn nhĩ lao.

緬想故園三徑菊

Diễn tưởng cố viên, tam kinh cúc,

夢魂夜夜上歸舫

Mộng hồn dạ dạ thường quy-đạo.

PHIÊN DỊCH

Ngày thu ngẫu vịnh thành bài

Lá rụng rơi xuống sân tiếng kêu rào rào. Vóc yếu vừa mạnh lên, khí trong mình trở nên mạnh mẽ, nền văn ấy (1) ở trong trời đất, từ xưa vẫn trọng; cái hứng thú đối trước hồ sơn, vào thu càng cao tóc trong gương cùng người đều già; danh hờ ngoài mình uổng ai khó nhọc (2) Tưởng nhớ đến ba dãy cúc ở nơi vườn cũ, hồn mộng đêm đêm thường đi theo một chiếc thuyền về.

CHÚ THÍCH

(1) Tư-văn là cái văn ấy, ý trở vào những lễ nhạc chế độ, do ở đạo nho đặt đề ra.

(2) Ý nói mình đã tốn công khó nhọc, đề theo đuổi một danh hờ.

DỊCH VĂN

Rào rào rụng lá cây sán,
Vừa qua cơn ốm tinh thần mạnh ra.
Nền văn cao sáng không nhòa,
Hồ sơn hứng đến thu mà thêm sang.
Trong gương tóc bạc in dày,
Phù danh theo đuổi đến ngày nào thôi.
Vườn xưa rụng cúc vàng tươi,
Đêm đêm hồn mộng buông xuôi hồn về.

LẠI DỊCH

Ào ào rụng lá cây sán,
Người qua cơn ốm tinh thần vui tươi.
Tôn nghiêm văn giáo trăm đời,
Hồ sơn ý hứng cao vời theo thu.
Gương in mái tóc già nua,
Phù danh lẽ đẽo chen đùa nhọc mình.
Vườn xưa giấu cúc còn dành,
Thăm quê thuyền mộng qua gành đêm đêm.

...

亂後到崑山感作

Loạn hậu đáo Côn-sơn cảm tác

別家山恰十年

Nhất việt gia sơn cập thập niên,
歸來松菊半翛然
Quy lai tùng cúc bán tu nhiên.

林泉有約那堪負

Lâm toàn hữu ước na khâm phụ.

塵土低頭只自憐

Trần^{tr} thổ đê đầu chỉ tự liên.

鄉里纔過如夢到

Hương lý tài qua như mộng đáo,

干戈未息幸身全

Can qua vị tức hạnh thân toàn.

何時結屋雲峯下

Hà thời kết ốc vân phong hạ, .

汲澗烹茶枕石眠

Cấp giản phanh trà trẩm thạch miên

PHIÊN DỊCH

Sau hồi loạn đến Côn-son (1) cảm tác

Biệt nhau với trái núi quê nhà đã vừa mười năm, nay về thì cây tùng khóm cúc (2) phần nhiều đã sum xê lăm. Xưa từng ước hẹn với suối rừng, sao đành phụ, nay những vui đầu trong cát bụi, luống tự buồn thương, làng xóm qua thăm, tưởng chừng như trong giấc chiêm bao, can qua chưa tắt, may hầy còn toàn được thân thể. Bao giờ được làm một nếp nhà ở dưới non mây, múc nước khe đun trà uống và gối vào đá mà nằm ngủ khi.

CHÚ THÍCH

(1) Núi Côn ở làng Chi-ngại huyện Chí-linh, quê cũ nhà ông Nguyễn-Trãi, tiên-tổ ông Nguyễn-Trãi ở làng Chi-ngại, đến đời ông Nguyễn Phi-Khanh (thân phụ ông Nguyễn-Trãi) mới đến nhập tịch làng Nhị-kê. Ông Trần Nguyên Đán là ngoại-tổ ông Nguyễn-Trãi, năm xưa khi về tri-sĩ có làm cái biệt-thự trên núi này để ở.

(2) Đào Uyên-Minh đời Tấn cáo quan về nhà, trong vườn giồng những tùng cúc. Câu này nói tùng cúc, có ý nhắc lại cảnh vật cũ của ông ngoại Trần Nguyên-Đán xưa.

DỊCH VĂN

Mười năm cách biệt chốn gia san,
Tùng cúc, về thăm đã mọc lan.
Thân ấy chót quăng theo gió bụi,
Ước xưa đã phụ với lâm toàn.
Quê hương về tưởng trong mơ mộng,
Bình lửa từng qua lắm hiểm gian.
Bao được non mây nhà một túp,
Trà chuyên nước suối, ngủ bên ngàn.



清明

Thanh minh

一從淪落他鄉去

Nhất tòng luân lạc tha hương khứ,

屈指清明幾度過

Khuất chỉ thanh minh kỷ độ qua.

千里墳塋遙拜掃

Thiên lý phần dinh vi bái tảo,

十年親舊盡消磨

Thập niên thân cựu tận tiêu ma.

乍晴天氣模稜雨

Xạ tình thiên khí mô lăng vũ,

過半春光斲句花

Quá bán xuân quang tể cú hoa.

聊把一杯還自強

Liên bả nhất bôi hoàn tự cường,

莫教日日苦思家

Mạc giao nhật nhật khổ tư gia.

PHIÊN DỊCH

Tiết Thanh-minh (1)

Từ khi lưu lạc ở quê người, tình dốt nay đã
mấy lần thanh minh. Nỗi nhớ tổ-tiên xa xăm nghìn

dặm chẳng thể về viếng thăm, những họ hàng
bè bạn cách biệt mười năm đã chết dần mòn
đến hết. Khi giờ chợt hừng sáng lên bay lất
phất những hạt mưa nhỏ, tiết xuân đã quá nửa
nên nở đầy những hoa trà-my (2). Cầm một chén
rượu gương nóng làm khuấy khỏi đề ngày ngày
phải nhớ nhà khiở sở.

CHÚ THÍCH

(1) Khoảng thượng tuần tháng ba âm lịch, có
một tiết gọi là tiết Thanh-minh, người ta thường
đi thăm viếng mồ mả gia-tiền vào tiết ấy.

(2) Tè-cú tức là hoa Đò-my, ta quen gọi là trà-
my. Giống hoa này thường nở vào dạo cuối xuân.

DỊCH VĂN

*Từ phen lưu lạc quê người,
Bấm tay trái đã mấy hồi thanh minh.
Tiên phần hương khói vắng tanh,
Tình lân nghĩa cũ với mình còn ai !
Trời thanh loáng thoáng mưa rơi,
Mà nay điểm quá nửa vời xuân quang.
Đầy vời gương cất chén vàng,
Nhà xa khuấy nổi nhớ thương ngày ngày.*



卽興

Tức hứng

攬翠亭東竹滿林

Lãm thúy đình đông, trúc mãn lâm,

柴門晝掃靜陰陰

Sài môn chù tảo tĩnh âm âm.

雨餘山色靄詩眼

Vũ dư sơn sắc ảm thi nhãn,

滌退江光淨俗心

Lạo thoái giang quang tĩnh tục tâm.

戶外鳥啼知客至

Hộ ngoại điểu đề tri khách tri,

庭邊木落識秋深

Đình biên mộc lạc thức thu thâm.

午窓睡醒渾無寐

Ngọ song thụ tỉnh hồn vô寐,

隱几焚香理玉琴

Ẩn kỷ phần hương lý ngọc cầm.

PHIÊN DỊCH

Tức hứng

Phía đông đình Lãm-thúy trúc mọc thành rừng
cửa sài ngày quét sạch, vắng vẻ râm mát, trận mưa

đã tạnh, sắc núi trong trẻo làm trong cả con mắt
thơ, nước lụt lui rồi dòng sông sạch sẽ làm sạch
cả tấm lòng tục. Ngoài cửa chim kêu biết có
khách đến, bên sân lá rụng biết là thu sâu (2),
Giấc ngủ trưa ở bên cửa sổ tỉnh giấc thôi không
thể ngủ lại được nữa, tựa ghế đốt hương dạo
cây đàn ngọc-cầm.

CHÚ THÍCH

(1) Tức hứng là nhân cái cảm hứng đổi rời sự
vật trước mắt mà làm ngay nên thơ hơi giống
như hai chữ tức cảnh.

(2) Mùa thu đi vào đã sâu.

DỊCH VĂN

*Xanh tươi chúc mọc bên đình,
Cửa sài quét sạch, bóng cảnh âm u .
Mưa tan sắc núi như tô,
Lòng sông nước đẹp sóng xô rặng ngời.
Chim kêu báo khách vào chơi,
Cây sân lá rụng biết hơi thu đầy.
Bên song tỉnh giấc trưa ngày,
Nhóm lò hương ngát, dạo cây đàn cầm .*

和友人烟霞寓興
Họa hữu nhân yên hà ngụ hứng

蓬萊弱水杳無涯
Bồng lai nhược thủy điều vô nha,
俗境低徊髮半花
Tục cảnh đề hồi phát bán hoa.
雲外故居空蕙帳
Vân ngoại cố cư không huệ trướng,
月中清夢遶山家
Nguyệt trung thanh mộng nhiều sơn gia.
心如野鶴飛大隄
Tâm như dã hạc phi thiên tế.
跡似征鴻踏雪沙
Tích tự chinh hồng đạp tuyết sa.
岩穴栖身何日是
Nham huyệt thể thân hà nhật thị ?
天門回首五雲睢
Thiên môn hồi thủ ngũ vân sa.

PHIÊN DỊCH

Họa bài thơ « Yên hà ngụ hứng »
của người bạn

Bồng-lai Nhược thủy (1) mờ mịt không biết

bến nào mà tìm, quanh quần mãi ở cõi tục, mái tóc trên đầu đã hoa đâm một nửa. Chỗ ở cũ ở ngoài mây buồng không bực trưởng huệ, giấc mộng êm mát dưới bóng giăng thường vẫn về lần quất ở chốn nhà núi. Lòng phóng khoáng như con hạc nội liệng ở giữa giới nhưng mình còn vướng trong vòng chính trị bước chân nay đó mai đây như chim hồng in vết móng lên những năm tuyết (2). Biết đến ngày nào về nương mình ở chốn hang núi được, bởi vì về đây thì cửa giới ngoảnh lại nam mây xa xa (3), lòng tưởng nhớ quân vương khôn đành.

CHỮ CHÍCH

(1) Bồng-lai Nhược-thủy trở vào những cảnh tiên.

(2) Thơ ông Tô Đông-pha Nhân sinh đảo xứ tri hà tự? Ưng tự phi hồng đập tuyết nê. Tuyết thượng ngẫu nhiên lưu thảo ấn, hồng phi na phục kế đông tê. Nghĩa là : Người ta đi đến mọi nơi giống như thế nào ? Chính giống như là chim hồng bay đập chân lên trên năm tuyết ; trên tuyết ngẫu nhiên như lưu-lại vết móng, nhưng chim hồng bay rồi không ai biết đông tê phương nào, người ta thường dùng chữ *hồng thảo tuyết nê* để ví những dấu vết lịch-lý của các người du hoạn.

(3) Cửa giới và năm mây là trở chỗ dễ-kinh, tiên-sinh tuổi già vốn có chí ẩn dật. Câu nói có ý

quyếu luyện đế-kinh này, có lẽ chỉ là một lối nói của người đương làm quan.

DỊCH VĂN

Non Bồng nước nhợt xa mờ,
Dim trong côi tục sương phơ nửa đầu.
Ngoài mây màu quạnh buống sầu,
Đêm giăng mơ mẩn về đầu non xưa.
Lòng theo hạc lượn vẫn vo,
Vết chân đạp tuyết mình như chim hồng,
Bao giờ về ăn non cùng?
Cửa giới ngoảnh lại, mây lồng xa xa.



題安子山花烟寺
Đề Yên-tử-sơn Hoa yên tự

安山山上最高峯
Yên-sơn sơn thượng tối cao phong,
纔五更初日正紅
Tài ngũ canh sơ nhật chính hồng.
宇宙眼窮滄海外
Vũ trụ nhãn cùng thương hải ngoại,
笑談人在碧雲中
Tiếu đàm nhân tại bích vân trung.

擁門玉槩森千畝

Ung môn ngọc sáo sâm thiên mẫu,

掛石珠流落半空

Quải thạch châu lưu lạc bán không.

仁廟當年遺跡在

Nhân miếu đương niên di tích tại,

白豪光裏覩重瞳

Bạch hào quang lý đồ trùng đồng.

PHIÊN DỊCH

Đề chùa Hoa-yên ở núi Yên-tử (1)

Trèo lên ngọn cao nhất ở núi Yên-tử, mới đầu canh năm đã thấy mặt trời đỏ rực rỡ, đứng ở chỗ đó, nhìn ra vũ trụ thì mắt thấu suốt tận bên ngoài bề cả, cất tiếng cười nói, nhận ra mình ở trong giữa đám mây xanh, (2) bao bọc ngoài cửa chùa, những cây măng như những ngọn giáo bằng ngọc sum suê hàng nghìn mẫu, treo vào đá, những thạch nhũ những cái dải bằng ngọc trai lông thổng ở lưng chừng. Dấu cũ của vua Trần Nhân-Tôn hiện hãy còn đây, nhìn pho tượng của ngài bộ đồng tử kép rõ ràng ở trong tia sáng trắng.

CHÚ THÍCH

(1) Núi này ở huyện Đông-tro thuộc về Hải-dương, lại có tên là núi Đầu Voi. Tương truyền đó là nơi tu-luyện của Yên Kỳ-sinh, cho nên thành tên ấy. Trên núi có ngọn Tử-tiêu, am Ngọa-vân, đông Long già, những thắng-cảnh có danh tiếng. Chùa Hoayên ở trên tuyệt đỉnh, cảnh-trí rộng rãi và đẹp đẽ. Vua Nhân-Tôn nhà Trần năm xưa tu ở đó, gọi là Trúc-lâm đệ-nhất-tổ.

(2) Hai câu tam tứ này : *vũ trụ nhơn cùng thương hải ngoại, tiểu đùm nhân tại bích vân trung*, vẫn được nhiều người khen ngợi là rất hay.

DỊCH VĂN

*Yên-sơn ngọn núi chóng vòng,
Đầu canh năm thấy vầng hồng đã ra,
Vó cùng trời biển bao la,
Nói cười, mây biếc quanh ta chờn vờn.
Trúc bao nghìn mẫu xanh ròn,
Nhũ buống cao thấp bên cồn đá rêu.
Nhân-tổng dấu cũ tiên triều,
Trùn, đồng đôi mắt tỏa nhiều hào quang*



舟中偶成

Chu trung ngẫu thành

雨後春潮漲海門

Vũ hậu xuân trào trướng hải môn.

天風吹起浪花噴

Thiên phong xuy khởi lãng hoa bốn.

半林殘照篩烟樹

Bán lâm tàn chiếu si yén thụ,

隔水孤鐘搥月村

Cách thủy cô chung đả nguyệt thôn.

風景可人詩入畫

Phong cảnh khả nhân thi nhập họa,

湖山滿目酒盈樽

Hồ sơn mãn mục liêu doanh tôn.

舊遊歷歷余曾記

Cựu du lịch lịch dư từng ký.

往事重尋只夢魂

Vãng sự trùng tìm chỉ mộng hồn.

PHIÊN DỊCH

Ngồi trong thuyền chợt thành

Sau khi mưa song, nước trào xuân dâng đầy
cửa bè, gió thổi thối làm cho hoa sóng phun ra

Nửa cánh rừng, bóng nắng tàn điểm thưa vào
những đám cây mờ khói, cách bến nước, tiếng
chuông trơ trọi gõ ở trong xóm sáng trắng. Nhìn
ra phong cảnh, bức vẽ nên thơ, đối trước hồ
sơn, chén chuốc đầy rượu. Những cuộc đi chơi
xưa ta còn nhớ rõ, muốn tìm lại những việc đã
qua, chỉ bằng hồn mộng mà thôi.

DỊCH VĂN

*Mưa tạnh trào dâng cửa bể đầy,
Gió giời phun sóng trắng phây phây.
Cây rừng nhạt nắng mờ hơi khói,
Chuông bến khua giăng rộn tiếng chầy.
Phong cảnh tranh thơ la liệt rải,
Hồ sơn hứng rượu ngả nghiêng say.
Thú chơi năm trước ta còn nhớ,
Hồn mộng tìm ôn việc những ngày.*



淋 港 夜 泊

Lâm cảng dạ bạc

港 口 聽 潮 暫 繫 舢

Cảng khẩu thính trào tạm hệ đao,

鷗 鷗 隔 岸 響 蒲 牢

Am am cách ngạn hưởng bồ lao.

船 窓 客 夜 三 更 雨

Thuyền song khách dạ tam canh vũ,

海曲秋風十丈濤

Hải khúc thu phong thập trượng đào.

膜外虛名身是幻

Mạc ngoại hư danh thân thị huyền,

夢中浮俗事堪拋

Mộng trung phù tục sự kham phao.

一生習氣渾如昨

Nhất sinh tập khí hồn như tác,

不爲羈愁損舊豪

Bất vị cơ sầu tổn cựu hào.

PHIÊN DỊCH

Đêm đỗ thuyền ở cửa bể Lâm (1)

Cửa bể tạm buộc thuyền để nghe tiếng réo của ngọn trào dâng, cách bờ tiếng con hồ-lao, tức là tiếng chuông kêu bình boong vang rầy (1). Cửa thuyền đêm khách ba canh mưa trút, góc bể gió thu mười trượng sóng cao. Hư-danh phó đề ngoài lòng, chẳng qua thân mình cũng là huyền ảo, việc tục ở cái cuộc đời như cõi mộng, có thể vứt bỏ cả đi đề đôi lấy an nhàn (8), tính tình của mình vẫn còn như xưa, không vì cái sầu cơ lữ (4) mà hao tổn mất cái hào sảng ngày trước.

CHÚ THÍCH

(1) Chưa rõ cửa bể này ở đâu.

(2) Bờ-lao là tên một giống thú. Ở bề có giống cá gọi là cá kinh, ven bề có giống thú thì là bờ lao. Bờ- lao vốn sợ cá kinh, hễ bị cá kinh đánh thì nó kêu rống lên rất lớn. Vì thế người ta đúc chuông, muốn cho chuông kêu thì thường đúc hình con bờ lao ở trên làm nướm và cái dùi đánh thì đeo hình con cá kinh nhá gọi là chày kinh. Có người gọi nướm chuông là bờ lao là nhầm, chính là bờ lao.

(3) Hai câu này đều vì nghe tiếng chuông chày mà có những cảm tưởng như vậy.

(4) Cơ lữ là ở nơi đất khách.

DỊCH VĂN

*Buông neo cửa bề nghe trào,
Binh boong trên bến chùa nào chuông khu
Đêm mưa thuyền khách dừng rừ,
Sóng tung cồn cuộn gió thu thổi dờn
Danh sông thân nghĩ dơ buồn
Việc đời vất hết thả hồn tiêu dao
Còn đây hào khí ngày nào.
Chẳng vì trời nổi mà hao tổn dần.*

望瀛

Vọng doanh

望瀛投暮繫吟船

Vọng doanh đầu mộ hệ ngâm thuyền

詩景撩人晚興牽

Thi cảnh liêu nhân vãn hứng khiên

浴翠雨晴峯似玉

Dục thủy vũ tình phong tị ngọc,

大安潮漲水如天

Đại an trào trướng thủy như thiên.

依依遠樹青烟裏

Y y viễn thụ thanh yên lý,

渺渺平沙白鳥前

Diêu diêu bình sa bạch điểu tiền.

三十年前湖海趣

Tam thập niên tiền hồ hải thú,

茲遊奇絕勝蘇仙

Tư du kỳ tuyệt thắng Tô tiên

PHIÊN DỊCH

Trông ra bề

Con thuyền thơ đi trông ra bề, tối đến buộc lại, cảnh thơ trên người khiến cho khêu động cái hứng cảm, chiều hôm kia trái núi Dục-thủy (2) sau khi mưa tạnh ngọn sáng như ngọc, nọ cửa bề Đại-an (3) thủy trào dâng lên nước trắng như giới. Cây xa sừng sững đứng trong làn khói xanh, cát phẳng lờ mờ rải trước cánh chim trắng. Thú hồ-hải lệnh đèn mình đã trải ba

mười năm trước. nhưng cuộc đi chơi này thật là kỳ tuyệt hơn cả ông tiên họ Tô (4) khi xưa.

CHÚ THÍCH

(2) Núi ở tỉnh Ninh-Binh.

(3) Cửa bể này ở tỉnh Nam-Định, chỗ sông Nhị-hà trút ra bể, xưa gọi là cửa Đại-ác.

(4) Trỏ ông Tô-Đông-Pha khi đi chơi trên sông Xích-bích.

DỊCH VĂN

*Vọng doanh buộc lá thuyền chiều,
Cảnh thơ kêu gọi bao nhiêu hứng hoài
Mưa tan non Thúy sáng ngời,
Đại an trào dấy lụt trời mông mênh.
Ngàn cây khói tỏa mờ xanh,
Bình sa một dải quanh quanh bóng cò.
Ba mươi năm thú hải hồ,
Chuyến chơi này sánh ông Tô hơn nhiều.*



白 藤 海 口

Bạch Đằng hải khẩu

朔 風 吹 海 氣 凌 凌

Sóc phong suy hải khí lăng lăng,

輕起吟帆過白藤

Khinh khởi ngâm phàm quá Bạch Đằng.

鱗斷鯨夸山曲曲

Ngac đoạn kinh khoa sơn khúc khúc,

戈沉戟折岸層層

Qua trầm kích chiết ngạn tầng tầng.

關河百二由天設

Quan hà bách nhị do thiên thiết,

豪傑功名此地曾

Hào kiệt công danh thử địa từng.

往事回頭嗟已矣

Vãng sự hồi đầu ta dĩ hỹ,

臨流撫景意難勝

Lâm lưu phủ cảnh ý nan thắng,

PHIÊN DỊCH

Cửa bể Bạch-Đằng

Gió bắc thổi vào mặt bể, hơi bể đưa lên ngàn
ngút, nhẹ giương buồm thơ để qua sông Bạch-đằng,
ngồi trên sông trông ra hai bên : núi lồm ngồm
từng khúc trông như những khúc của cá kinh bị
chặt, cá ngac (cá sấu) bị mổ, bờ nhấp nhô từng
đợt trông như những hình của cái giáo bị gãy,
cái dòng bị chìm (2) non sông hiểm trở (3)

do *giời bày ra ; các bậc hào kiệt đã từng lập công danh ở đây (4). Việc trước ngoảnh lại, than ôi đã qua đi rồi ! Ngày nay đến giòng sông vắng vẻ mà lòng khôn xiết hoài cảm.

CHÚ THÍCH

(1) Cửa bể Bạch-dăng tức là chỗ miệng sông Bạch-dăng chảy ra bể, ở về huyện Thủy-đường tỉnh Kiến-an bây giờ, đó là nơi bình thảng có tiếng và là chiến trường cũ của nhà Ngô, nhà Trần đánh phá quân Tàu.

(2) Hai câu này tả núi tả bờ mà cách so ví rất tài tình khiến người tưởng tượng ngay ra đó là nơi chiến-trường đời trước. Cá kình, cá ngạc xưa nay người ta vẫn dùng chỉ vào quân giặc dữ, cá kình bị chặt, cá ngạc bị mò, câu ấy ngầm có ý tán dương võ công đời trước của nước mình.

(3) Chữ hiềm trở đây dịch ý ở chữ bách nhị ra. Đất Quan-trung của nhà Tần đời xưa hiềm trở. hai người ở trong có thể đương được hàng trăm người ở ngoài, vì thế gọi là bách nhị.

(4) Nói việc vua Ngô-Vương-Quyền phá quân Nam Hán, đức Trần-Hung-Đạo phá quân Hồ Nguyên.

DỊCH VĂN

*Gió heo, hơi bể mịt mù
Buồm thơ phôi phới qua sông Bạch đẳng.
Núi như đầu giặc chém quăng
Cờ sóng dạt gầy như từng đoạn gươm*

Non sông hiểm trở lạ đường,
Anh hùng còn dấu chiến trường sông Pha
Việc xưa thôi đã thôi mà,
Bên dòng viếng cảnh lòng ta bồi hồi.



晚興
Vãn hưng

窮港幽居苦寂寥
Cùng hạng u cư khổ tịch liêu,
烏巾竹杖晚逍遙
Ô cân trúc trượng vãn tiêu diêu
荒村日落霞樓樹
Hoang thôn nhật lạc hà thê thụ,
野徑人稀水沒橋
Dã kính nhân hy thủy một kiều.
今古無窮江漠漠
Kim cổ vô cùng giang mạc mạc,
英雄有恨葉蕭蕭
Anh hùng hữu hận diệp tiêu tiêu,
歸來獨凭欄杆坐
Quy lai độc vưng lan can tọa,

一片冰蟾掛碧霄

Nhất phiến băng thiềm quải bích tiêu.

PHIÊN DỊCH

Cảm hứng chiều hôm

Ở âm thầm trong ngõ sâu khỏ về quạnh vắng, bởi vậy khăn đen gậy trúc đi chơi thung thăng lúc buổi chiều. Thôn hoang mặt trời lặn rắng đậu trên cây, đường đông người thừa nước ngập cả cầu. Dòng sông trôi thăm thăm trải từ đời xưa đến đời nay không biết bao giờ cùng, lá cây rụng rào rào tưởng như những nỗ: hờn của người anh hùng phát ra thành tiếng. Đi chơi lãng quăng rồi trở về một mình ngồi dựa bên bức lan can, ngẩng lên trông một vầng trăng trong suốt như băng, treo ở trên nền trời xanh biếc.

DỊCH VĂN

*Thón sâu ở lánh buồn teo,
Khăn đen gậy trúc ngày chiều thần thơ
Hàng cây bóng xế sương mờ,
Cầu đông nước ngập đường thừa dấu người.
Vô cùng dải nước sông trôi,
Hờn theo lá rụng thương đời tài danh,
Bên lan về đứng nương mình,
Giữa từng mây biếc treo vành gương nga.*

過 神 符 海 口

Quá Thần phù hải khẩu

神 符 海 口 夜 中 過

Thần phù hải khẩu dạ trung qua,

柰 此 風 清 月 白 何

Nại thử phong thanh nguyệt bạch hà ?

夾 岸 千 峯 排 玉 笋

Giáp ngạn thiên phong bài ngọc duẩn,

中 流 一 水 走 青 蛇

Trung lưu nhất thủy tẩu thanh xà.

江 山 如 昨 英 雄 逝

Giang sơn như tác anh hùng thế,

天 地 無 情 事 變 多

Thiên địa vô tình sự biến đa.

胡 越 一 家 今 幸 覩

Hồ Việt nhất gia kim hạnh đồ,

四 溟 從 此 息 鯨 波

Tứ minh tòng thử tức kinh ba.

PHIÊN DỊCH

Qua cửa bể Thần-phù (1)

Cửa bể Thần-phù qua lúc ban đêm, trước
cảnh gió mát giăng thanh, xiết bao cảm hững.

Nhìn ở ven bờ, hàng nghìn ngọn núi như những cái măng ngọc chót vót, nọ ở giữa dòng, một dải nước chảy như con rắn xanh lượn bò Giang sơn vẫn như cũ mà đường anh hùng còn đâu, trời đất thật vô tình, từng gây ra biết bao sự biến (2) nay mừng được trông thấy Hồ Việt thu lại một nhà vui vẻ, bốn bề từ đây sẽ im bất sóng kinh (3).

CHÚ THÍCH

(1) Cửa bể này ở trang Chính-đại huyện Nga-sơn tỉnh Thanh-hóa bây giờ. Hai bên bờ sông có những giãy núi chạy dài xuống bể, cảnh trí rất đẹp. Khi xưa cửa bể hay có sóng gió dữ dội, thuyền bè qua lại rất nguy hiểm, bởi vậy phong dao có câu :

« Lênh đênh qua cửa Thần-phù,

« Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm. »

(2) Đọc hai câu này khiến người cũng sinh bao nỗi cảm khái về cuộc đời.

(3) Kinh là cá voi, một giống cá lớn ở ngoài bể, sóng kinh là sóng dữ ở ngoài bể Nghĩa bóng của *sóng kinh* chỉ vào giặc giã. Hai câu cuối này nói sự thống-nhất và thăng-bình của thừa ấy, sau cuộc binh Ngô phục quốc của vua Lê-thái-Tổ.

DỊCH VĂN

*Thần phù qua đò lúc đêm khuya,
Giò mát giăng thanh cảnh tuyệt kỳ*

Măng mọc nghìn đầu non dựng đứng,
Rắn bò một dải nước quanh đi.
Giang sơn như cũ dấu hào kiệt
Trời đất vô tình lắm biến di.
Hồ Việt mừng nay về một cõi,
Biển khơi tắm ngọc bật im lỳ.



亂後感作
Loạn hậu cảm tác

神州一自起干戈
Thần châu nhất tự khởi can qua,
萬姓嗷嗷可柰何
Vạn tính ngao ngao khả nại hà
予美孤忠唐日月
Tử mỹ cô trung Đường nhật nguyệt,
伯仁雙淚晉山河
Bá nhân song lệ Tấn sơn hà
年來變故侵人老
Niên lai biến cố xâm nhân lão
秋越他鄉感客多
Thu việt tha hương cảm khách đa.

卅載虛名安用處

Tráp tải hư danh an dụng xử,

回頭萬事付南柯

Hồi đầu vạn sự phó nam kha

PHIÊN DỊCH

Sau hồi loạn cảm tác

Chốn Thần-Châu (1) từ khi nổi dậy can qua, muôn họ nhón nhác biết làm sao được ! Tấm lòng trung của Tử-Mỹ (2) thường giải với nhật nguyệt nhà Đường, hai giòng lệ của Bá-Nhân (3) những ứa vì non sông nhà Tấn. Biển xảy bao năm; khiến người già héo, thu qua đất lạ, đề khách bùi ngùi. Ba mươi năm danh tiếng hảo huyền, dùng đề làm gì ? Ngoảnh đầu xem lại những việc xưa chỉ là ở trong giấc mộng nam-kha.

CHÚ THÍCH

(1) Trỏ vào đất cát của tổ-quốc.

Tử-Mỹ là tên tự của Đỗ-Phủ, một thi-bá đời Đường, sinh gặp hồi loạn An-Sử và Thổ-Phồn, thường làm nhiều thơ tỏ lòng trung phẫn.

(3) Bá-Nhân là tên tự của Chu-Nghĩ đời Tấn, cũng sinh gặp hồi loạn lạc

(4) Lý-công-Tá đời Đường làm bài « Nam-kha-ký », trong nói Thuần-vu-Phần chiêm bao đến nước Hòe-an, vua nước ấy gả con gái cho, và cho làm chức Thái-thú ở quận Nam-kha, rất vẻ

vang sung sướng, sau đi đánh giặc thua trận, công-chúa cũng chết, vua cũng đem lòng nghi kỵ mà bãi về. Lúc tỉnh giấc thấy mình nằm ngủ dưới gốc cây hoè, gốc hoè có một cái hang, trong hang có tổ kiến. Gọi là quận Nam kha, tức là cái tổ kiến ở bên dưới cành cây phía nam. Đời sau nhân gọi giấc mộng ấy là giấc Nam-kha và dùng đề ví với những cái công danh phú quý của cảnh đời thực, cho là công danh phú quý ở đời chẳng qua cũng mong manh như vậy.

DỊCH VĂN

*Thần châu từ độ nổi binh đao,
Làm cát nhân dân chốn chốn nao.
Tử mỹ lo Đường lòng quận héo,
Bá nhân thương Tấn lệ tuôn rào.
Già người đời tiếp tang thương đến,
Nào khách thu đưa cảm hận vào.
Ba chục năm giờ danh tiếng hão,
Ngoảnh đầu muốn việc tựa chiêm bao.*



冤嘆

Oan thán

浮俗升沉五十年

Phù tục thăng trầm ngũ thập niên

故山泉石負情緣

Cổ sơn loan thạch phụ tình duyên

虛名實禍殊堪笑

Hư danh thực họa thù kham tiếu

眾謗孤忠絕可憐

Chung báng cô trung tuyệt khả liên

數有難逃知是命

Số hữu nan đào tri thị mệnh,

文如未喪也關天

Văn như vị táng dã quan thiên.

獄中牘皆空遭辱

Ngục trung độc bối không tao nhục,

金關何由達寸箋

Kim khuyết hà do đạt thốn tiên

PHIÊN DỊCH

Than nỗi oan uổng

Nỗi chìm trong cõi tục trải năm mươi năm
hẹn với suối đá ở núi xưa rằng mình sẽ về, mà
mình đã phụ cả tình duyên với chúng, bầm cái
danh hư để mắc cái vạ thực đáng cười biết mấy
một mình ngay thẳng để bao người ghen ghét
càng rất đáng thương. Việc khôn trốn được mới
biết là có số mệnh, nên văn nếu chưa đến nỗi

mất mà đun dủi cho mình khỏi chết, cái đó là quan hệ tự giới. Cái cảnh chia lưng tờ giấy ở trong ngục (2) luống chịu biết bao nhục nhã ! Làm thế nào để dàng được một mảnh tờ lên chốn điện vàng.

CHÚ THÍCH

(1) Bài này ông làm sau khi sảy ra cái án Nguyễn thị Lộ, bị giam trong ngục.

(2) Chu Bột là thừa tướng đời Hán, có tội bị bắt bỏ ngục. Lúc ở trong ngục định nhờ người ngục-lại vận động hộ đề cầu thoát tội. Vì không tiện nói, người ngục-lại xoay lưng một tờ công văn viết chữ vào đấy chia cho Chu Bột trông mà hiểu. Bột lấy điều đó làm nhục nhã. Đây là ông Nguyễn Trãi nói ví, vì ông là một đại thần mà phải tội, cảnh ngộ cũng giống như Chu Bột.

DỊCH VĂN

*Cuộc thế thưng trăm mấy chục niên.
Non xa tuổi đã phụ tình duyên,
Danh sống vạ mắc vòng oan uổng,
Dạ thẳng đời bao kẻ ghét ghen.
Định mệnh ta đành cam lúc bĩ,
Tư vấn trời có tựa khi nên,
Trong bao tử nhục trăm chiều đủ
Bệ ngọc khòn thổng một mảnh tiền*



Băng hồ di sự lục

(Câu truyện cũ về cụ Băng-hồ)

Băng hồ tướng công, họ thân của triều Trần. Cha là Uy-túc công húy Văn Bích làm chức Nhập nội thái bảo, giúp vua Minh tông nên nghiệp thái bình. Ông là Văn-túc vương húy Đạo Tái năm 14 tuổi thi đỗ Bảng nhãn, Thánh tông ban cho bộ văn phục để tỏ yêu trọng. Khen tài Quấn, Cát (1) nhà vua có ý muốn dùng lớn nhưng chưa kịp thăng lên tướng vị, vương đã từ trần. Cụ là Chiêu-minh đại vương húy Quang-Khải con thứ vua Thái tông làm đến Thượng tướng Thái-sư, có công to bậc nhất trong khoảng niên hiệu Trưng hưng. Thường khi đem quân đi đánh giặc, vua Thái tông ban cho hai lá cờ đề rằng :

Nhất đại công danh thiên hạ hữu,

Lưỡng triều trung hiền thế gian vô (1)

đủ biết vương là một bậc người trác dị, thọ 50 tuổi, có tập « Lạc đạo » truyền ở đời.

Công húy là Nguyễn Đán, nếp nhà thi lễ, dòng cũ thần minh. Trang trong gió mát, từng mang tư tưởng xuất trần (3) nhật trắng trời xanh, soi rõ tấm lòng hứa quốc (4) Buổi trước khi Hồn đức (5) làm việc bội loạn, cùng theo Nghệ, Duệ hai vua xuất bôn ra ngoài, đến khi việc binh sung làm tướng quốc, giữ vững được nền nao núng, gỡ thanh mọi mối rối ren. Trong khoảng vài năm, thiên hạ bình

trị, người nước khen ngợi là một bậc hiền tài. Dù trẻ con thằng nhỏ đều biết tiếng tăm.

Từ bữa họ Hồ tiếm dụng, mầm và chớm sinh Công nói rằng : « Người quân tử thấy cơ dừng lên, không đợi hết ngày » Bèn dựng động Thanh hư ở núi Côn tại huyện Phụng-sơn làm chỗ lui về hưu dưỡng. Động thành vua Duệ-tôn ban cho ba chữ ngự thư « *Thanh-hư động* » rất lớn đề ở trên bia ; vua Nghệ tôn thân soạn bài văn bia khắc vào vách núi. Công, mình tuy gửi chốn lâm toàn chỉ vẫn đề vào tôn xã. Mảnh lòng ưa ái, chưa từng một lúc nào tạm khuây Thưởng vẫn mượn thi ca gửi niềm trung phần, hoặc ở hoặc đi, một động một tĩnh, công đều ngụ ý can gián Nghệ tông cả. Nhưng nhà vua lơ mờ không xét Do đó mà họ Hồ khí diễm càng mạnh, sự phụ càng nhiều, thế nước dần nguy, không sao chống lại. Công mới quyết thoái hưu không trừ trừ nữa.

Khi lâm bệnh không chịu uống thuốc, con cháu cố khuyên thì công nói : « Việc đời như thế ta được chết là may, còn cầu lấy sống để nhìn cuộc họa loạn hay sao ? »

Công mất chưa bao lâu thì họ Hồ cướp nước giết con cháu nhà Trần hầu hết, sự tiên kiến của công sáng suốt như vậy.

Công thọ 65 tuổi, ngày 14, tháng 11 năm Nhâm ngọ (1390) mất ở nhà, táng tại núi Giáp thuộc huyện Phụng-sơn phủ Lạng châu, làm quan trải

đến Nhập nội kiêm-hiệu Tư đồ Bình chương quốc thượng hầu. Thụy là Thương-túc có tập *Băng-hồ ngọc trác* truyền ở đời, giai gái cả thầy 11 người sau hồi binh qua, không mấy người còn lại.

Mẹ ta là con gái thứ ba của công, mất từ khi công còn tại thế, ta tránh nhớ đến những việc Bành trạch, Đào công (6) làm truyện ông ngoại là Mạnh phủ quân, My-son Tô công (7) viết Trình công di sự, Hôi am văn công (8) viết Chúc công di sự, bất giác nguồn cảm chan chứa ở trong lòng. Phương chi con cháu của công không còn ai, việc kế thừa chính là phận sự của ta. Ta vẫn định dựng một nếp nhà ở dưới Côn-son để tuế thời cúng vái, mà ý muốn vẫn chưa đạt được. Nhân thuê thợ vẽ bức đồ và gộp hợp truyện cũ chép ở mặt sau cất giấu đi để ghi nhớ mãi, ngõ hầu theo dõi cái chí của các ông Đào công; Tô công và Văn công. Ngoài ra còn điều gì đã có ở trong bài *Thành-hư động-ký* của Nhị Khê tiên-sinh (9) cũng ở các bản ghi chép khác,

Tháng trọng đông, năm Mậu thân niên hiệu thuận thiên nguyên niên (1428)

CHÚ THÍCH

(1) Quân Trọng giúp Tề Hoàn công và Gia cát Lượng giúp Hán Chiêu Liệt đều là những bậc người hiền kiệt

(2) Một thừa công danh thiên hạ có, hai triều trung hiếu thế gian không.

(3) Vượt ra ngoài trần tục.

(4) Tận tụy cho nước.

(5) Hôn đức trở Dương nhật Lễ.

(6) Đào tiềm.

(7) Tò Thức.

(8) Chu Hy. Ba ông Đào, Tò. Chu đều viết chuyện ông ngoại.

(9) Tức ông Nguyễn phi Khanh, thân phụ ông Nguyễn Trãi, có viết bài *Thanh-hư động-ký* xưng tụng ông Trần nguyên Đán.



Bài bia thần-đạo ở Vĩnh-lăng (1)

Niên hiệu Thuận-thiên thứ sáu, năm Quý sửu, tháng 8, ngày 22 đức Thái-tổ Cao hoàng-đế lên châu giới, tháng 10, ngày 23 an táng ngài ở Vĩnh lăng tại Lam-sơn

Đức vua họ Lê huý Lợi. Hoàng tằng tổ huý Hối người ở phủ Thanh-hóa Một bữa qua chơi núi Lam thấy đàn chim bay lượn quanh quất dưới núi tựa đám người hội họp. Người bảo : đây chắc là chỗ đất lành, bền đời nhà đến ở. Được ba năm trở nên có sản nghiệp lớn, con cháu đông, tôi tớ nhiều Gầy dựng cơ đồ, thật gốc ở đây. Rồi nội đời làm hào trưởng một vùng ấy. Hoàng tổ huý Định nối nghiệp trước, gia thuộc có đến hơn nghìn. Hoàng tổ tỷ Nguyễn-thị rất có hiền hạnh, sinh hai trai, lớn là Tùng thứ là Khoáng, tức là hoàng khảo của Đức

vua. Hoàng khảo phúc hậu hiền lành, vui lòng làm thiện, thích nuôi tân khách, coi dân các vùng chung quanh như con một nhà. Vì thế, ai cũng cảm ân và mến nghĩa. Hoàng tử Trịnh thị huý Thương phụ đạo siêng cần, khuê môn hòa hoãn. Trong nhà ngày càng thịnh-vượng. Sinh ba trai : lớn là Học, giữa là Trừ, cuối là đức Vua

Ông anh cả nối nghiệp ông cha, không may mất sớm. Đức Vua chịu mệnh của tổ phụ, rất là kính cần. Tuy gặp buổi đại loạn mà chí giữ càng bền. Nấu vết ở Lam-sơn, lấy canh nông làm nghiệp. Vì căm tức loài cường tặc lằng ngược càng chuyên tâm về các sách lược thao (2) Dốc cạn gia tài, hậu đãi tân khách. Năm Mậu tuất khởi nghĩa, đóng quân trên dòng Lạc-thủy (3). Trước sau gồm hơn hai chục trận đánh, đều đặt mai phục, đánh thành linh, tránh chỗ mạnh, đề chỗ yếu, lấy ít địch nhiều, lấy yếu trị mạnh. Năm Bính ngọ đánh nhau ở Ninh-động, đại thắng bèn tiến vây Đông đô. Năm Đinh-vị viện binh của giặc kéo sang, An-viễn hầu Liễu thắng lĩnh quân 10 vạn, do đường Quảng tây tiến ; Kiêu-quốc-công, Mộc Thạnh lĩnh quân 5 vạn do đường Vân-nam tiến. Một trận đánh ở ải Chi-lăng, Liễu thắng phải nộp sỏ, chém mấy vạn đầu giặc, bắt sống bọn Thôi tự Hoàng phúc, hơn ba trăm kẻ, và quân-sĩ hơn 3 vạn tên. Lấy sắc mệnh binh phù của Liễu-Thăng đưa đến đám quân Vân-nam, Mộc-Thạch trông thấy, đương đêm phải dẫn quân chạy trốn, quân ta lại chém và bắt sống được

không biết bao nhiêu mà kể.

Trống trấn giữ ở thành Đông-quan là bọn Thành sơn hầu Vương - Phòng, trước đã cùng quân ta giảng hòa, nhưng chưa dứt khoát, bây giờ phải xin mở cuộc đại minh (3) trên sông Nhị. Còn các thành trì khác, đều mở cửa xin đầu hàng.

Số quân giặc bắt được và quân các thành các trấn đến hàng gồm hơn 10 vạn, thấy đều thả cho về đường thủy, cấp cho chúng hơn 5 trăm chiếc thuyền, đường bộ cấp cho lương thực, lừa ngựa. Lại dặn bảo quân sĩ không được xâm phạm đến chúng một cái tơ cái tóc.

Từ đấy thông hiếu, nam bắc vô sự. Mừng, Lễ Ai-lao hết thầy vào trong bản đồ, Chiêm-thành, Đồ-bà vượt bể đến dâng cống phẩm. Đức vua giấy sớm thức khuya, siêng lo chính sự trải sáu năm mà trong nước rất nín thịnh trị, Đến đây ngài thăng hà.

Ngày lành tháng mười năm Quý Sửu niên hiệu Thuận thiên thứ sáu.

CHÚ THÍCH

(1) Bia thần đạo là bia dựng ở lối thần đi Vĩnh lăng ở làng Lam-sơn huyện Thủy nguyên, Thanh-hóa, nay vẫn còn,

(2) Sách Tam lược và sách Lục thao, đều là những sách dạy về việc võ.

(3) Hội họp để ước thề.

Quân-trung từ-mệnh tập

Tập này gồm những giấy tờ giao thiệp với các tướng Tàu và những bài văn răn dỗ các tướng sĩ. Sách Lam-sơn ký chép: Đức vua từ khi nổi quân binh Ngô đến khi lấy lại được nước, phàm những giấy tờ đi lại ở trong quán, đều sai văn thần Nguyễn Trãi làm ra cả.

Thư xin hàng (1)

Tôi nghe sinh thừa thái bình, người chẳng ai không được yên sở, gặp thời thánh minh, người chẳng ai không được vui sống. Nay tôi sinh trưởng thời lạnh, gặp gỡ đời thịnh, mà thường phải thở than về nỗi thất sở là có làm sao? Bấy giờ nhân viên tri huyện người làng là Đỗ Phú cùng tôi có mối hiềm khích, hằn dút lút viên tham chính Lương-nhữ Hốt đề bảo tôi sắc sực với quan trên, cậy mạnh mà làm bậy, nếu không sớm trừ, tất sinh hậu hoạn. Nhữ-Hốt bèn nói với quan quản binh và nội giám Mã-ký, đem quan quân đến đánh úp. Bộ thuộc của tôi không kỷ giả trẻ đều bị chém chết và bắt sống, họ hàng chết chóc, vợ con lìa tan, lại đảo mồ mả ông cha tôi, bỏ pho, hài cốt (2) Tôi không biết kêu vào

đầu được, tới lui đều khó, bèn sai thân nhân đến Ba ty (3) tạ tội ; nhưng người sai đi mấy lần đều bị giết chết, chẳng người nào được tha về. Tôi không biết tính kế làm sao, bèn phải chạy đi trốn tránh, sống trộm ngày tháng, đề đợi quan trên xét tình, rau cháo trong rừng trải đã sáu năm ngày hai bữa ăn, chưa từng được no bao giờ cả. Song tình-vệ chẳng nề lấp bề khó nhọc, oan khốc chẳng quản sống chết báo đền, bởi thế mới đem bộ chúng đánh úp nhà Đỗ-Phú, bắt lấy quyển thuộc họ hàng nhà nó, ngõ hầu rửa mối thù cũ chứ chẳng dám có cái gì khác, nay nghe quan tổng-binh đức lớn thăm người, ân rộng tưới vật, lấy lòng dỗ giặc của Đặng Vũ (4) làm lòng, lấy chính (5) hóa dân của Hoàng-bá (6), làm chính, thực là một dịp đề cho tôi đòi lỗi sửa mình. Vạy kính sai anh họ là bọn Lê-Vận phụng thư đến trước cửa viện kê bày mọi nỗi oan khổ. Cúi xin rộng tha cái lỗi đã rồi, mở cho con đường đời mới. Nếu được mở lượng khoan hồng như vậy, thật là cái sức của tạo-hóa càn-khôn.

CHÚ THÍCH

(1) Hoặc gọi là thư tố oan. Năm Nhâm-dần (1422) vua Thái-tổ rút quân về núi Chí-linh, trong hai tháng giới hết lương ăn, chỉ ăn rau củ. Bấy giờ tướng sĩ mỗi một, đều muốn nghỉ ngơi, khuyên vua hãy cùng giặc giảng hòa, vua bèn sai viết thư này gửi cho bọn Sơn-Thọ, 'Mã Kỳ' đề xin hòa.

(2) Sách *Lam-sơn ký* nói : Năm Mậu tuất (1418) vua Thái-tổ khởi binh ở Lam-sơn, bị bọn Mã-Kỳ nhà Minh bức bách bèn lui về đóng ải Lạc-thủy. Đỗ Phú đưa đường cho giặc đến xứ Phật-hoàng đảo mả đức Hoàng-khảo, lại đi lên đánh úp ở đằng sau vua, bắt lấy gia thuộc, quân dân, vợ con rất nhiều.

(3) Người Minh đô hộ nước ta đặt ra Ba ty là : Đô-ty, Bố chánh ty và Án sát ty.

(4) Đặng Vũ là một danh tướng của vua Quang Vũ nhà Đông hán, trong 28 tướng được vẽ hình treo ở Văn Đài, Vũ đứng đầu.

(5) Chính là chính trị,

(6) Hoàng-bá là người đời vua Tuyên đế nhà Hán, từng làm đến thái thú Dĩnh-Xuyên, thứ sử Dương-châu, chính trị có tiếng tốt nhất thiên hạ sau làm thừa tướng.



Thư gửi cho quan tổng binh và các quan phủ vệ Thanh-hóa

Phàm vật hễ không bằng phải ng thì phát ra tiếng kêu. Cho nên có người chịu nổi oan khốc là do thiện ác không tỏ, thực đối không rành mà nên nổi. Nay các quan trấn thủ ở các Phủ-vệ vâng mệnh triều đình, chăn nuôi dân chúng cũng giống như cha mẹ chăn nuôi con trẻ, chẳng ai là chẳng

hết lòng yêu thương, nay tôi mắc tội oan khiến
ngậm tình ức khổ, không được lượm trên soi
xét, lại còn đem binh đến đánh khiến người dân
một phương chẳng được yên sở, đó tuy là tội
của tôi, nhưng cũng là do quan trên không khéo
cách hành xử (1). Vả ghét chết thích sống, tránh
nhọc tìm nhàn là thường tình của con người ta.
Nay tôi lìa quê hương mà chạy trốn, bỏ ruộng
vườn mà chẳng nhìn, nông nổi ấy thật đáng xét
thương, sao triều đình lớn lao, quan lại hiền đức
lại nổi khiến tôi phải khổ cực như vậy ! Nay tôi
trở giới thề ước : ôm lòng thành tín mà đến hàng
xin sự tái sinh với quân-phụ, May mà được rõ
nỗi oan khốc, bỏ những lỗi xưa, khiến tôi được
đem hết lòng trung thực để phụng thờ triều đình,
đó là điều hết sức mong muốn. Ngày xưa Kê-Khang
có tội mà sau thành tôi trung nhà Tấn (2) Quan
Võ còn sống mà sau lo trả nghĩa Tào Công (3)
tôi tuy là kẻ hèn nhưng đâu dám quên nghĩa ấy
hoặc sai sang đánh miền bắc để lập công; hoặc
cho theo dẹp phương tây để chuộc tội, dù chết
cũng không dám từ. Cúi xin soi xét tặc thành, khoan
tha tội lỗi thì thật là may lắm.

CHÚ THÍCH

(1) Mến yêu mềm mỏng đối với những người
phương xa.

(2) Kê-Khang khoảng đời Ngụy-tấn, một trong
nhóm Trúc-lâm thất hiền.

(3) Quan-công bị vây ở Hạ-bì, Tào Tháo bắt được không giết. Sau Quan-Công về Thục, một lần đánh nhau bắt được Tào-Tháo ở đường Hoa-Dung, nhớ đến ơn cũ, lại tha cho Tào Tháo.



Thư gửi cho Phương Chính (1)

Tôi trộm nghĩ cái nỗ nghìn cân, không vì con cày mà bấm máy. Nay ông là danh tướng một thời, đem quân hai nước (2) ra để tranh trội với một kẻ thất phu, thắng được thì chẳng qua phong hầu, vạn nhất vấp trượt, bốn phương thừa dịp nổi lên, binh cách không ngừng, tuy có trí mưu cũng vị tất đã hàn vá nổi, bấy giờ hối lại sao kịp nữa, tướng sẽ không khỏi mua cười với đờng thời, dễ chê về hạ thế, lời thật rất lấy làm lo sợ cho ông. Nay tôi tính kế cho ông, chẳng gì bằng yên nghỉ giáp binh, ngồi nhàn mà nhận sự đầu hàng, đó là thượng sách. Như thế tuy là sự may cho chúng tôi và ông, nhưng cũng là sự may lớn cho thiên hạ muôn dân nữa.

CHÚ THÍCH

(1) Phương Chính là một viên tướng Tào cầm quân bấy giờ.

(2) Quân nước Tào và quân nước ta.

Lại thư trả lời Phương Chính (1)

Bảo mày giặc dữ Phương Chính. Đạo làm tướng lấy nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm cảnh. Nay lũ mày chỉ chuộng lừa dối, giết hại những kẻ vô tội, hãm người ta vào đất chết chẳng động lòng thương, trời đất không thể dung, người, ma đều phải giận. Đời thế luôn năm đi chinh phạt chỉ thua lụn bại. Vậy mà không biết tự đòi lỗi, còn đi bói hỏi ra nữa, sau này hối lại còn kịp nữa sao, huống nay nước xuân mới nhóm, lam chương càng đầy, thế không chịu đứng lâu được, Vậy mà mày tay cầm đại binh lửa lần khần tiến, khiến quân sĩ nhuốm phải lam chương mà chết, đó là tội lỗi của ai?

Binh-pháp nói rằng : « Bậc nhân giả lấy yếu trị mạnh, bậc nghĩa giả lấy ít địch nhiều » Nay mày muốn đánh nhau thì nên tiến binh vào cùng ta quyết sống mái một keo. đừng nên dùng dằng dề khò cho hai quân nữa.

CHÚ THÍCH

(1) Minh lại tiến quân và có thư dụ đến mà kể tội, nên vua Lê có thư này đáp lại.

...

Lại trả lời Phương Chính (1)

Bảo mày giặc dữ Phương Chính, xưa nay người giỏi dụng binh, không chỗ nào hiểm, mà cũng

không chỗ nào không hiểm, không chỗ nào dễ mà cũng không chỗ nào không dễ ; được thua là ở tướng. chứ có phải ở địa thế hiểm với dễ đâu. Vào chỗ hiểm mà đấu, như hai hồ đấu nhau ở cái hang không, khéo chọi thì thắng, vụng chọi thì bại. Cho nên đất không có hình thường nhất định chiến không có thế thường nhất định. có gì là phân biệt hiểm với dễ đâu. Mà nếu không lui, nên dẫn binh vào mà quyết chiến.

CHÚ THÍCH

(1) Giặc thấy thư trước mừng lại rằng, nếu giỏi đánh nhau thì ra chỗ đất phẳng, vì vậy vua lại có thư này đáp lại



Thư gửi cho Phương-Chính

Bảo mày giặc dữ Phương Chính. Ta nghe bậc danh tướng, quý nhân nghĩa mà rẻ quyền mưu. Lũ mày thì quyền mưu cũng còn chẳng đủ, hướng lại nói gì nhân nghĩa. Ngày xưa thư mày gửi đến cho ta, thường cười ta nấu núp ở chỗ núi rừng, không dám ra giao chiến ra chỗ đồng bằng đất phẳng. Nay ta đã đến đây, ngoài thành Nghệ-An đều là chiến trường cả, mày bảo đó là rừng núi hay là đồng bằng ? Mày đóng kín cửa thành ngồi xó trong ấy, có khác gì mộ ? mộ già không ? Ta e lũ mày không trốn đâu khỏi được cái nhục khăn yếm (2).

CHU THÍCH

(1) Tháng 5 năm Bình-ngọ (1426) quân ta đến dưới thành Nghệ-An, giặc đóng kín cửa thành không ra, nên ta gửi cho thư này.

(2) Gia-cát-Lượng đi đánh Ngụy, khiêu chiến nhiều lần mà tướng Ngụy là Tư-mã Ý không chịu ra, Lượng sai đưa đến cho Ý những đồ khăn yếm để làm nhục, ý bảo hèn nhất như đàn bà vậy.



Lại trả lời Phương Chính

Phàm đồ việc lớn lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công lớn, lấy nhân nghĩa làm đầu. Chỉ có nhân nghĩa vẹn toàn thì công việc mới trôi chảy được.

Nước này nhân việc họ Hồ lỗi đạo, mượn cái danh « thương dân đánh tội » để thỏa cái thực « cướp của giết người » lấn chiếm bờ cõi ta, hiếp đáp sinh dân ta, nặng thuế nghiêm hình, bòn già dãi sạn, dẫu kẻ tiều dân ở trong chỗ thôn cùng ngõ hẻm cũng không được yên thân mà sống, nhân nghĩa mà như thế ư ? Nay dân oán thán thần giận, nước này lại gặp đại tang như thế mà không biết xét mình đổi lỗi, lại còn kéo dài việc binh cách ở phương xa, khiến quân lính phơi thây, nhân dân lầm lạt. Ta e mối lo của Quý-thị không ở nước Chuyền-ư mà sẽ xảy ra bên kẻ vách (1)

CHU THICH

(1) Quý-thị là quan đại phu nước Lỗ đời Xuân thu ; Chuyên-Du là một nước phụ thuộc của nước Lỗ. Câu này là mượn lời của đức Khổng-lữ, ý nói triều đình nhà Minh cứ để ý vào việc viễn chinh không lo nội trị, khéo mà họa biến lại xảy ra ngay bên kề vách như là việc Cao-Hú làm phản,

Thư gửi cho Sái Công (1)

Thư gửi cùng hiền huynh Sái-công. Độ ngụ ở thành Đông-quan (2) nghe tin huynh đã ra ngoài thành bài kiến Trần-chúa (3) của chúng tôi, thật là đáng mừng, đáng mừng. Từ đây giải binh, khiến nước Nam được khỏi cái khổ can qua sao mà may mắn quá vậy, như huynh đáng gọi là bậc quân tử biết cơ lăm, tình nghĩa thân hậu, dù trăm năm cũng không thể quên. Nay sai người đem thuyền 15 chiếc đến đón huynh ông cùng quý quyến của các quan, vậy nên tho sức thu xếp về đây, còn những quân lính thì nên đi đường bộ. Cầu cống các nơi hiện đều đã sửa sang cả, dọc đường không phải lo ngại gì. Xin thông báo để được rõ.

CHÚ THICH

(1) Sái Phúc, tướng Tàu giữ thành Đông-quan, đầu hàng quân ta.

(2) Đông-quan tức là thành Hà-nội.

(3) Túc Trần Cao, vua Lê tạm lập lên, giả xưng là con cháu nhà Trần. để lấy cớ giao thiệp với người Minh.



Thư gửi cho Đả Trung và Lương nhữ Hốt

Thư ngỏ cùng bọn Đả lão quan và Lương tướng công. Nếu muốn một nhà nhỏ đều được bình yên, nên nghe lời ta, kíp thu xếp hành trang, đi ra khỏi thành, đợi các quan ở Diên ở Nghệ cùng đi ra Bắc. Nếu bằng không thể, sẽ hối chẳng kịp. Các ông há không thấy những quân lính ở Diên. Nghệ Thuận-hóa, ngày nay vợ con đều được bảo toàn, vui vẻ mừng rỡ, không can gì cả. Các ông không nghĩ ra như vậy mà muốn tự khổ thế ư? ta nếu quả có lòng định hại các ông thì các ông trốn đâu khỏi được. Ngày nay Thánh-thượng rộng ơn, có sắc chỉ sai quan Tổng binh tiện nghi hành sự, cho lập dòng họ Trần ta rồi rút quân về kinh, để khỏi cái khổ can qua của hai nước. Ta cũng lấy đạo nhân nghĩa hết lòng thờ kính Triều đình, phạm những quan quân đều được đưa về, đi qua hạt nào thì ta sai sửa sang cầu cống đường sá và cung cấp lương thực. Đó là vì ta muốn đề tiếng hay về nghìn thừa, cho nên không muốn cùng các ông so sự hơn kém một thời. Nếu bằng

chẳng nghe theo nhời thì chỉ trong vòng một năm các ông dù có thành vàng hào nóng cũng chỉ là vất bỏ mà thôi. Đến bấy giờ thì còn làm thế nào được nữa. Trộm tính kể cho các ông, chẳng bằng đi mau, chớ nên hồ nghi đề hồng công việc. Thư chẳng hết nhời.



Thư đưa cho Vương Thông, Sơn Thọ

Tôi nghe điều tin là vật báu của nước. Người mà không có điều tin thì còn làm trò gì ! Trước đây tiếp được thư của các ngài và các ngài sui người ra nói, ước sự hòa giải, tôi đã nhất nhất nghe theo. Nay xem trong thành vẫn đào hào đóng cọc, đắp lũy dựng rào, hủy đồ cỗ lễ đúc súng đạn sửa chiến khí (1) Như vậy thì các ngài định rút quân về kinh chẳng ? Định bền giữ thành trì chẳng ? Đều không sao hiểu được. Truyện có câu rằng : « Bất thành vô vật » nghĩa là nếu không thành thực thì chẳng còn có cái gì cả. Ngài nếu thực không bỏ lời trước, thì việc làm tướng nên mình bạch những nhẽ lợi hại. Định rút quân thì rút quân định đóng giữ thì đóng giữ. Có sao mặt ngoài thì vờ vĩnh kết hiếu, bên trong lại ngấm ngầm mưu toan ? Tướng chẳng nên sau trước trái nhau, trong ngoài bất nhất như vậy. Kể tiền dân ngu

nhưng mà tinh lắm. Tôi dấu mờ tối không biết gì, nhưng thật có như nhời cụ Khổng tử nãi : « Xem cách dùng, nhìn chỗ đi, xét chỗ đứng (2) như vậy thực đối của lòng người, dấu nhỏ bằng tơ tóc cũng không thể che giấu được. »

CHÚ THÍCH

(1) Sử-ký : Vương-thông lấy chuông Quyển, vạc Phô-minh, hủy ra để đúc súng đạn ; lại đắp cao thêm thành Đông-quan đào hào đóng cọc.

(2) Lời đức Khổng-tử nói trong sách Luận-ngữ « Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an, nhân yên sự tại ! » nghĩa là : « Xem cách dùng, nhìn chỗ đi, xét chỗ đứng, người ta giấu thế nào được ! »



Lại thư đưa cho Vương-Thông

Trước đây kính tiếp thư ngài và ngài sai người lại nói, đều bảo là giữ theo ước cũ chứ không có lời gì khác, lại bảo hãy sớm dâng biểu thì chiều lui quân. Bức thư nét mực chưa khô, lời nói bên tai còn văng. Nay sứ của tôi đi rồi, người đưa sứ đi cũng đã về rồi, không biết đại nhân có giữ lời hẹn trước chăng, hay lại nói ra thế khác ? nếu quả giữ theo lời trước xin trả lời minh bạch cho biết để tôi được sửa sang cầu công sắm sửa vật dụng để đợi tiễn đi. Bằng lại

nói ra thế khác, tôi e rằng điều tin không nên bỏ mất. Người xưa nói rằng : *Bỏ lương bỏ quân điều tin không nên bỏ*. Cho nên Văn-công không tham cái lợi đánh đất Nguyên (1), Thương-quân không bỏ khoản thương dòi cây gỗ (2). Nay đại nhân là một viên tướng thi thư lại không bằng Văn công, Thương-quân hay sao vì định bỏ điều tin hay sao ! Lời không nói hết.

CHÚ THÍCH

(1) Tấn Văn Công đi đánh Ấp-Nguyên, chỉ cho lương có 3 ngày đi, hẹn 3 ngày nếu không đánh, hạ được thì về. Hết 3 ngày, vẫn chưa hạ được viên quân lại xin hãy ở rốn nhưng Văn-Công nói : Điều tin là vật báu của nước, và là cái đề cho dân dựa ; được nguyên mà thất tin thì dân dựa vào đâu. Lui quân được 30 dặm thì Ấp Nguyên xin hàng.

(2) Thương Ưởng nhà Tần dựng cây gỗ ba trượng ở cửa nam kinh đô, rao rằng nếu dân ai dòi đặt sang cửa bắc được sẽ thưởng cho 10 lạng vàng. Dân lấy làm lạ, không ai dám dòi. Thương-Ưởng lại rao ai dòi được cho 50 lạng. Có người dòi được, Thương Ưởng thưởng cho số vàng ấy đề tỏ là không lừa dối.

Thư đưa cho Vương Thông (1)

Thư gửi đến trước đại tổng binh đại nhân. Tôi nghe lấy thành thực mà xử với người, người sẽ cũng lấy thành thực mà xử lại. Cái đạo chí thành, có thể động được giời đất, thông tới quỷ thần, huống chi là với người ta ư ! Nay đại-nhân phụng mệnh đi ra cõi ngoài, nên lấy thành thực mà đối người mới phải. Có sao lại đem sự dối trá để đánh lừa người, tự cho như thế làm hay, tưởng tôi không biết gì, và bảo việc binh có thể gian dối thế nào cũng được, mặt ngoài nói sự hòa hiếu, mà mặt trong ngấm ngấm mưu tính kia khác. Trước kia ngài bảo hễ sau khi tôi dâng biểu lên lập tức ngài rút quân về thế mà rồi lại cao rào kín lũy, đắp thành đào hào, việc làm như thế là thành thực hay là dối trá ? Đời xưa quan Đại phu đi ra khỏi cõi, có thể chuyên quyết mọi việc. Phương chi đại nhân là một viên tướng sủng có đọc sách vả lại khi chịu mệnh ra đi, đã cho được tiện nghi hành sự, thế thì phạm việc ở ngoài khôn, há lại có thể nhất nhất đều đợi mệnh của triều đình ư ? Việc binh quý ở thần tốc, then máy mở đóng như đôi văng, như đám mây, chỉ trong chớp lát chợt tanh chợt nắng, đại nhân há không biết sao mà lại nghe kể của đũa gian thụ là Mã-Kỳ, tên tàn tốt là Phụng-Chính mà dùng dằng không quyết như

vậy ! Trước đây đã đưa giấy tờ đi, gọi cả quân mã các nơi tới đây và bảo vì có chật hẹp. Cho quân lính trong thành về trước, rồi quân các nơi sẽ lục tục cho họ về sau. Đến nay quân lính các thành Diễn, Nghệ đều đã tới cả mà lời nói trước lại để cho trôi tuột. Thế là đại nhân không những nói dối, một mình tôi mà lại dối tất cả 6, 7 nghìn tướng sĩ ở các thành trấn. Tôi vì tấm lòng trên kính Triều đình và thương tính mệnh của 6, 7 nghìn người, bởi vậy nghiêm lệnh quân sĩ không cho xâm phạm đến họ một cái tơ cái tóc. Thế mà đại-nhân đi nghe kế của đứa tiểu nhân, muốn đem cái lòng định hại tôi, dời sang để hại lầy đến họ. Nay con ngựa Hồ hý lên khi thấy gió bắc, (2) con chim Việt làm tỏ ở cạnh phía nam, thương tình của người ta, ai mà khỏi thế. Nay đại nhân tính kế lầm lẫn, sẽ khiến cho quân sĩ hơn 6, 7 nghìn ở các vệ các sở, họ đều cầm hờn oán giận vào đến cốt tủy, ai nấy nghiêng răng rít lợi, thề không lại trông thấy đại-nhân, đều xin quyết một trận tử chiến. Đại-nhân nếu lại giữ theo lời trước, tìm lại ước xưa, thì xin kịp hội quân để giữ trọn lấy ân tình cũ. Tôi cũng xin đem quân lính các thành cùng những binh mã bắt được ngày trước giao trả về tất cả. Nếu không như thế, tôi xin đem những quân ngấm oán chứa giận ở các thành cùng 30 vạn quân của tôi đến dưới thành bàn hoàn để tùy ngài định liệu. Thư chẳng hết nhời, tôi rất là sợ hãi đợi mệnh.

CHÚ THÍCH

(1) Năm Đinh-mùi (1427) vua tiến quân đến bờ bắc sông Lô (tức sông Nhị bây giờ), đối lũy với thành Đông-quan (Hà-nội) tướng Minh là Vương-Thông, Sơn-Thọ sai Nguyễn-Sĩ đến thông tin, vua sai viết thư này đưa cho bọn họ.

(2) Ngựa hồ ở xứ bắc, quen với gió bắc, khi đi xứ khác, hễ thấy gió bắc thì nó động lòng nhớ quê mà hý lên. Chim Việt ở phương nam, khi đi xứ khác, hễ làm tổ cũng làm ở cạnh hướng nam. Đó đều nói về lòng tưởng nhớ quê hương cả.



Lại đưa cho Đả Trung, Lươngnhữ-Hốt

Thư đệ đến trước án quan Đô-Chỉ-Huy họ Đả, quan Đại-tham-Chính họ Lương trấn thủ thành Tây-dò. Tôi cùng các ông ngày trước cùng nhau giao ước, trời đất quỷ thần tưởng đã chứng minh. Nào ngờ ngày nay thành ra chia cách. Xét đến việc làm, đều chỉ vì ai nấy vì nước quên mình, chẳng phải có lòng riêng gì cả. Nhưng cái chỗ đáng quý ở người quân tử là chỗ thức thời đạt biến. Vả vận trời chuyển vần, không cái gì đi mà không trở lại, từ xưa đến nay đều như thế cả. Nước An-nam xưa bị

Trung-quốc xâm chiếm là từ đời nhà Tần nhà Hán về sau. Nhưng giới chia định bắc nam, sông lớn núi cao, cõi bờ đã định, tuy mạnh như Tần (1), giàu như Tề (2) cũng không thể đem thế lực mà đồng dõ được. Và cứ lấy sự thế ngày nay mà bàn, như các thành Tần-bình, Thuận-hóa, Nghệ-an Diễn-châu cùng Tam-giang, Chi-linh, Thi-kiều, Xương-giang, Khâu-ôn, Tiền-vệ, trong đó viên tướng trí dũng, kẻ trí mưu lược há không có ai, mà thành trì không phải không cao và sâu, lương thực không phải không nhiều, quân giữ không phải không vững. Thế mà đều đã mở cửa cõi giáp, dắt vợ con ra cùng ta hội kiến, định ngày rút quân về kinh. Sao các ông lại còn cố giữ thói thường, không hiểu cái lẽ nên chăng của sự biến, muốn đem cái thành mấy nhận (3) để giam giữ những người lính đi lâu nhớ nhà, cho là có thể vui vẻ qua ngày mà chẳng đoái gì đến mấy nghìn tính mệnh, đó há phải là việc nên làm của bậc nhân giả. Nay nếu ta kén lấy quân lính ở Thanh-hóa, Diễn-châu cùng Tây-dô các lộ, chỉ ba bốn vạn kéo đến dưới thành, thì bất quá trong khoảng thời khắc là ngói tan trúc chẻ. Đến bây giờ các ông dù muốn bảo toàn vợ con, há chẳng khó thay. Nay tính kế cho bọn các ông, không gì bằng sớm bỏ giáp binh, ra ngoài thành cùng quân bọn Sái Đô-dốc lực tục trừ

về, để trả lại cõi đất An-nam, ta, khiến cho phương tiện cả hai bên, há chẳng là tốt lắm ! Nếu không như vậy, thật chẳng thể làm sao được.

CHÚ THÍCH

- (1) Tần 246 — 297 trước kỷ nguyên
- (2) Tùy 589 — 617
- (3) Đời xưa lấy 8 thước là một nhạ.



Thư dụ thành Bắc-giang

Thư ngỏ cùng tướng hiệu quan viên, quân nhân trong thành Bắc-giang.

Ta nghe người có bắc nam, nhưng đạo không kia khác, nhân nhân quân tử, chẳng phải là riêng có ở một nơi nào. Nước An-nam ta, tuy xa xăm ở cõi Lĩnh-ngoại, nhưng vẫn có tiếng là một nước thi thư, những bậc người tài thức trí mưu, không đời nào là không sẵn có. Bởi vậy phẩm những công việc ta làm hết thầy đều noi theo lễ nghĩa, trên ứng với giới dưới thuận với người.

Đạo trước quan Tổng binh Thành-sơn hầu từ sau trận thua ở Ninh-kiều, có sai người đưa thư ước sự hòa giải. Ta trên muốn hết lòng kính thuận với triều đình, dưới muốn gỡ nạn can qua cho hai nước, cho nân nhất nhất nghe theo cả.

Hắn lại khuyên ta sai người dâng biểu cầu phong, bảo sau khi đệ biểu, lập tức lui quân, vậy mà biểu đã đi rồi, quân vẫn không lui, lại còn bồi đắp rào lũy, sửa sang khí giới, tự lấy thế làm đặc kể, bội ước thất tín đến vậy là cùng. Nay các nơi Thanh-hóa, Diễn-châu, quân Thủ-vệ đã đều đến hết cả, phạm vợ con tài vật của họ, không hề bị suy xuyền mảy may nào cả, Ta nghĩ cái kế hơn hết của lũ người bây giờ không gì bằng ra khỏi thành cùng quan Đốc quân họ Sái quyết định việc về để khỏi chết uổng mấy nghìn tính mạng ở trong thành.

Ta thường xem những việc đặc thất của người xưa, như Bạch-Khởi nước Tần, Hạug-Võ nước Sở, giết kẻ đã hàng, trái lời ước hẹn (1). Ta quyết không khi nào lại làm như thế, các người nên cứ khoan tâm, đừng nghi ngờ mà hỏng việc. Nếu người bảo thành cao hào sâu, lương thực lại nhiều thì như Thanh-hóa, Nghệ-an các thành, thành không phải không cao, hào không phải không sâu, lương không phải không nhiều, binh không phải không mạnh, mà quan Đô-dốc Sái, quan không phải không to, trí không phải không sáng, cũng còn phải tùy thời đặt biến, đề giữ toàn tính mệnh cho mấy vạn người, vậy mà lũ người lại còn muốn giữ lời bàn hù để mang lấy vạ thực, há chẳng cũng lầm lẫn ư ?

Vả ta xem nước người hiện nay, trong có mối nguy biến tường vách, ngoài có kẻ cường địch

bắc Nguyên, kẻ đại thần trộm ngôi, quyền chính do tay người bắc dưới, luôn năm hoàng trùng đại hạn, giặc cướp nổi lên như ong. Cái cơ tằng loạn, há chẳng đủ biết trước rồi sao. Bậc trí giả thường biết trước từ khi việc chưa đến nơi, cơ sao lũ người lại kiến cơ một cách muộn màng mà cố muốn tự khổ như vậy ? Lũ người nếu chịu ra ngoài thành cùng ta hòa thân, ta sẽ coi các người như tình anh em ruột thịt, chẳng những là bảo toàn cho tính mệnh vợ con mà thôi. Nếu không như vậy thì tùy lòng các người, chỉ trong sớm tối sẽ gặp nhau chẳng lâu la gì. Đến lúc bấy giờ, các người có hối lại cũng không kịp nữa, các người nên nghĩ kỹ.

CHÚ THÍCH

(1) Bạch-Khởi là tướng nước Tần đời Chiến-quốc, dùng binh rất giỏi, đánh đầu được đấy. Khi đánh Triệu, quân Triệu thua, 40 vạn quân phải hàng. Bạch-Khởi đều chôn sống cả số quân hàng ấy. Hạng-Vũ đánh Tần, chôn sống hơn 20 vạn quân hàng ở phía nam thành Tần-an.



Thư dụ thành Tam-Giang

Thư ngỏ cùng Trương-hiệu, quan-viên quân-nhân trong thành Tam-Giang (1).

Chỗ đáng quý của người quân-tử là ở chỗ thức thời đạt biến, lượng sức liệu mình. Nay có kẻ lấy trượng chim đề chống với núi Thái, lấy cày bọ ngựa đề cản lại bánh xe mà tự cho là sức có thừa, tưởng cũng tự ngu quá lắm. Lũ người lấy một số vài ba trăm quân giữ mảnh cô-thành đề cùng ta đối kháng phỏng có khác gì như thế ? Thử nghĩ thành trì của các người, cao sâu không thấm với thành Nghệ-an, lương thực của người, đầy đủ sao được bằng thành Diên-châu, (2) mà quân vũ-dũng cảm-tử, lại lấy đầu được nhiều như quân Diên, Nghệ, quan tước của người, lại không lớn bằng Sái Đồ-đốc (3). Nay Diên, Nghệ, Thuận-hóa, Tân bình, Tiên-vệ, Thị-kiều, Xương-giang, Trấn-giang các xứ, quân giữ thành đều đã mở cửa ra hàng. Dưới cây bồ đề ở bến này (4), Sái Đồ-đốc đã định ngày rút quân về kinh, phạm những quan quân và vợ con tài sản đều không bị phạm đến mảy may nào cả. Vậy mà lũ người còn cứ mê lú, không chịu tính xa, sao mà kiến cơ một cách chậm muộn vậy ?

Các tướng sĩ của ta ai cũng đều hăm hở muốn phá vào thành, nhưng ta nghĩ thương số người vô tội ở trong thành, vì các người mà bị vạ lây, tiếng trống nổi lên, ngọc đá không còn phân biệt, bởi vậy viết mấy dòng chữ này gửi đến !

CHÚ THÍCH

(1) Đồn Việt-tri.

(2) Thuộc Nghệ-an.

(3) Sái Phúc, tướng Minh giữ thành Nghệ-an, đầu hàng quân ta

(4) Bến Bờ-đề, ở tả-ngạn sông Nhị, thuộc huyện Gia-lâm.

(5) Sách có câu : « hỏa viêm Côn-cơng, ngọc thạch cầu phần », nghĩa : là « lửa bốc núi Côn, ngọc đá đều cháy », ý nói những người đáng hay không đáng cũng đều chết cả.



Thư dụ Vương-Thông

Thư đệ đến quan Tổng-binh Thành-Son-Hầu.

Bức thư bữa trước, chưa thấy đáp phúc ; sai người vào chực đợi lại cũng chẳng thấy cho về. Vậy thì câu nói « ngôn hành phải đi đối với nhau » của đại nhân ngày trước, nay đâu rồi ư ? Tôi nghĩ cái đạo nước nhỏ thờ nước lớn phải nên kính sợ, vả nghĩ lời nói của đại nhân ngày trước, nghĩa không nở tuyệt, cho nên gửi thư đến mãi chẳng chút ngại phiền. Nhưng chẳng được như lòng, không biết có phải là tình thế khiến vậy hay không ? Theo tôi trộm tính cái kế của đại nhân lúc này, không gì bằng rút quân khỏi hoàn, để cởi cái kò can

qua cho hai nước, để gỡ cái vạ hao hại cho quốc gia, để vẹn cái nghĩa dựng hộ nước bị đổ, nối hộ dòng bị đứt, để tỏ cái nhân của đứng vương giả, coi bốn bề đầu cũng như đầu, trên không phụ sự ủy nhiệm của triều đình dưới không trái nghĩa xuất khồn (1) của đại tướng, khiến tên ghi sử sách, há chẳng tốt đẹp lắm sao ! Dữ kỳ noi theo vết xấu của Hán, Đường ham đất lớn, thích công to, sao bằng làm cái quân nhân nghĩa, chỉ cốt vì dân mà đánh kẻ có tội. Nay không nghĩ đến điều đó mà chỉ chăm chăm đắp thành đào hào, ngày ngày lén mở cửa thành, cho quân ra ăn cắp rơm củi, sao mà tự khổ đến thế !

Đại nhân nếu bảo thành trì hiểm cố có thể giữ để chờ đợi thì tôi e nước xa không cứu được lửa gần. Nếu bảo những quân dũng cảm ở trong thành còn nhiều, muốn quyết một trận sống mái, thì tôi tưởng khi tôi còn ở Khả-lam, Trà-lân (2) các ngài có những mấy vạn quân tinh nhuệ mà tôi chỉ có mấy trăm quân tâm phúc tôi còn đánh tan đi được để thành cái thế chẻ nứa, huống nay tôi gồm thu Diễn, Nghệ, Thanh, hóa, Tân-bình (3) Thuận-hóa và Đông-dò các lộ, tuyển quân tinh nhuệ có hàng mấy chục vạn, vậy thì cái kế sống mái có thể ngồi tính mà biết trước được rồi.

Song nước thịnh hay suy, quan hệ ở trời, quân mạnh hay yếu không cứ ở nhiều, Đại nhân thường đem việc họ Hồ ngày trước ra mà so ví. Tôi nghĩ việc ngày nay với việc ngày trước, khác nhau xa lắm. Họ Hồ đối giới, ngược dân mà tôi thì kinh giới thuận dân, lý thuận nghịch khác nhau là một. Quân của họ Hồ trăm vạn nhưng trăm vạn lòng, quân của tôi chỉ vài chục vạn nhưng hết thảy đều cùng một lòng, điều đó khác nhau là hai. Nay đại nhân nếu « không vì người mà bỏ điều nói phải, quyết kế rút về, sai người thân tín cùng với Sơn đại-nhân (Sơn-Thọ) sang sông hội họp, tôi sẽ xin lui quân ngay về các miền Thạch-thất, Thanh-dâm, Khoái-châu (4) đề đợi xuất xử, nếu không như vậy, tôi cũng không biết làm sao được.

CHÚ THÍCH

(1) Ra ngoài cửa nước, Ý nói đại tướng đi, ra ngoài có khi không theo mệnh vua.

(2) Khả-lam ở Thanh-hóa, Trà-lân ở Nghệ-an.

(3) Tân-binh ở đất Quảng-binh bây giờ.

(4) Huyện Thạch-thất nay ở Sơn-tây. Huyện Thanh-dâm tức Thanh-tri nay ở Hà-dông. Phủ Khoái-châu nay ở Hưng-yên.



Lại dụ Vương Thông

Thư kính cùng quan Tổng binh và các vị đại nhân.

Xưa nay người giỏi dùng binh là ở chỗ hiểu biết thời thế. Được thời và có thế thì biến mất làm còn, hóa nhỏ thành lớn ; mất thời và không thế thì trở mạnh ra yếu, đổi yên làm nguy, chỉ ở trong khoảng trở bàn tay mà thôi. Nay các ngươi không rõ thời thế, chỉ dối giá quen, há chẳng phải là hạng sắt-phu đón hèn, sao đủ nói chuyện việc binh được. Đạo trước trong mang gian dối, ngoài thác giảng hòa, đắp lũy đào hào chờ quân cứu viện, tâm tính không tỏ, trong ngoài bất nhất, như vậy khiến ta tin sao được mà chẳng phải ngờ. Cớ nhân có câu rằng : « Kẻ khác có lòng, ta lường đoán thấy » tức là thế đó. Ngày xưa nhà Tần thôn tính 6 nước, chuyên chế bốn bề, quyền chính không tu, mình tan nước vỡ. Nay Ngô (1) mạnh đã đầu bằng Tần mà hà khắc hơn Tần nhiều lắm, chẳng qua chỉ trong vòng một năm, sẽ đến nổi nhau mà chết hết, đó là mệnh giới chứ chẳng phải sức người. Hiện nay phía bắc có kẻ địch Thiên-Nguyên (2) bên trong có mối lo Tầm-châu, các xứ Giang-lã một khu không thể tự giữ được, huống lại còn chực đi lấn chiếm nước khác nữa sao ! Bọn các ngươi không hiểu sự thế, bị ta đánh bại, lại còn chực níu lấy Trương-Phụ để nhờ uy thanh, như thế có phải là đại trượng phu không, hay chỉ là đàn bà thôi đó ?

Sự thế ngày nay, dù có vị thượng tướng đem quân đến đây, cũng quyết chẳng làm trò gì được ; huống chi Trương-phụ chẳng qua đến để mà nộp mạng chứ bỏ nói gì !

Ngày xưa vua Chiêu-liệt (3) nhà Hán là dòng xót lại của họ Lưu. Không-Minh còn giúp cho nghiệp lớn lại dậy lên được. Huống nay con cháu của Hoàng Trần mệnh giới thuận cho, lòng người theo về, nước Ngô kia còn chực đoạt làm sao được ? Vả, đời xưa các bậc hào kiệt, chưa gặp thời thì ẩn nấu, thấy cơ hội thì dậy lên, cho nên Y-Doãn chỉ là một gã thợ cày ở đất Sần (4) Thái-công chỉ là một chàng câu cá ở sông Vị (5), thế mà một người làm đến Vương-lá, một người làm đến Đế-sur, vậy đó là người hào-quý chăng ? Là người bần tiện chăng ? Lại người Mộ-Đưng nước Yên, Thạch-lạc nước Triệu, đó là người Trung-quốc chăng ? là người mán rợ chăng ? Ta nghĩ nhời của nhà người nói, thật là nhời của kẻ tiểu nhân rợ mọi, không phải là nhời nói của người Trung-quốc.

Nay các người kể cùng sức kiệt, linh tráng mỗi một, trong không lương thảo, ngoài không cứu viện, bám bấu lấy một khoảng đất, thôi thóp trong một mảnh thành, chẳng phải là miếng thịt trên thớt, con cá trong chậu rồi sao ? Vậy mà còn lừa dối dân ta, dụ dỗ những điều phi nghĩa, các kẻ trung thần nghĩa sĩ của nước ta, trong khi cùng

ách còn nếm mặt nằm gai, không chịu đem lòng kia khác, hướng chi như ngày nay, còn ai tin nghe những lời bất nghĩa của lũ người. Chử e trong thành, người Nam còn nhớ thương chúa cũ, người Ngô thì không chịu được khổ, cùng hại lũ người rồi đem nhau ra hàng như Trương-Phi, Lã-Bố ngày xưa, bị hại bởi tay những thủ hạ, ấy là cái lý tất nhiên đó.

Nay các thành từ chức Đồ-tý trở xuống, đều tức giận lũ người lừa dối, nhiều người vượt lũy ra ngoài, báo cáo những tình hình bên trong; kẻ bị khốn cực thì đâm chém lẫn nhau, không đợi phải đến quân lính của ta nữa. Ta ngồi suy tính cho lũ người thì cái cơ bại vong có sáu : Nước lụt mệnh mỏng, tường đồ rào nát, củi cỏ thiếu thốn, ngựa chết lính mệt ; bại vong đó là một. Ngày xưa Đường Thái-Tông bắt Kiêu-Đức mà Thế-Sung phải hàng (6) nay bao nhiêu ả quan hiềm trở, đều có binh tượng đồn đóng, viện binh nếu đến, tất nhiên bị bại, viện binh đã bại, lũ người còn trốn dằng giời ; bại vong đó là hai. Nước người binh khỏe ngựa béo, nay còn đề cả miền bắc đề phòng bị quân Nguyên, không rồi đâu nhìn ngó xuống phía nam được ; bại vong đó là ba. Can qua bận rộn, nhao nhao thất vọng ; bại vong đó là bốn. Tội gian chuyên chính, chúa yếu trị vì, xương thịt tàn nhau, vạ khởi ở trong tường vách ; bại vong đó là năm

Nay ta nổi dậy quân nghĩa, trên dưới cùng lòng, anh hùng tận lực, quân lính ngày một luyện, khí giới ngày một tốt, vừa cày ruộng vừa đánh giặc, trong thành mỗi một, tự phải diệt vong ; bại vong đó là sáu. Ngồi giữ một mảnh thành con đề chờ đợi sáu cái cơ bại vong ấy, ta thật tiếc thay cho lũ nguoi ! Cỗ nhân có câu : « nước xa không cứu được lửa gần. » Dù có viện binh đến đây cũng không ích gì cho sự bại vong cả. Ngày xưa Phương-Chính, Mã-Kỳ chỉ chuyên làm những sự hà ngược, sinh linh lầm cá, thiên hạ oán thán, nào đảo mồ mả của nhà ta, nào bắt vợ con của dân ta, kẻ chết hàm oan, người sống bị khổ. Lũ nguoi là các người biết rõ sự cơ, hiểu sáu thời vụ, vậy nên chém lấy đầu Phương-Chính, Mã-Kỳ đem đến cửa quân dâng nộp. Như vậy trong thành sẽ khỏi nạn cá thịt, trong nước sẽ khỏi vạ đau thương, hòa hiếu lại thông, can qua xếp nếp. Nếu muốn rút quân về nước, ta sẽ sửa sang cầu cống, mua sắm tàu thuyền, thủy lục hai đường, tùy theo ý muốn ; quân ra khỏi cõi muôn phần đảm bảo được yên ổn không lo ngại gì ; nước ta lại phụng cống xưng thần, theo như lệ trước. Nếu không nghe lời ta như vậy thì nên sắm quân dân trận, ra giao chiến ở giữa bình nguyên để quyết một trận thư hùng, để xem cái tài hơn kém, không nên ngồi rù một xó, bắt chước cái điệu bộ của đàn bà nữa.

CHÚ THÍCH

(1) Ngô tức là nhà Minh. Khi nhà Minh mới mở nước, đặt quốc hiệu là Ngô, sau mới đổi.

(2) Dòng dõi nhà Nguyên bấy giờ còn chiếm giữ miền bắc.

(3) Tức Lưu-Bị đòi Tam-quốc.

(4) Y Doãn giúp vua Thang nhà Thương.

(5) Thái-Công giúp vua Văn-Vương nhà Chu.

(6) Đường Thái Tông vây đánh Chúa Trịnh là Vương Thế-Sung ở Lạc-dương. chúa Hạ là Đạn Kiến-Đức đem quân cứu, Thái-Tông đánh phá, bắt được Kiến-Đức, Thế Sung nhân thế phải hàng.



Thư đưa cho Vương Thông (1)

Tôi nghe mức một gáo nước, bề lớn không vì thế mà vui, thêm một gáo nước, bề lớn không vì thế mà đầy. Cho nên người giỏi dùng binh, không lấy sự thắng nhỏ mà mừng, không vì sự thua nhỏ mà sợ. Nay các ông còn có mấy nghìn quân tàn, giữ trong một mảnh thành tro, lương thực sắp hết mà cứu viện không đến, lòng người, chán nản mà số quân mòn mỏi, cái thế mạnh yếu được thua, có thể ngồi mà suy tính được. Phương chi nước Nam binh tướng nhiều, tâm lực sẵn, chiến khí ngày một tốt, sĩ khí ngày một giàu, kẻ sĩ trí mưu, quan tướng vũ dũng, chẳng khác như

cây rừng nếm côi. Các ông có thắng một trận nhỏ, không vì thế mà mạnh, quân ta đâu thua một trận nhỏ, không vì thế mà yếu. Mấy viên tỳ tướng của ta, tuổi trẻ tính ngông, không theo mệnh lệnh, khinh chiến, hờ cơ, các ông vì thế mới đắc chí. Nay những tướng hiện ở Tân-binh, Thuận-hóa Diên, Nghệ, cùng Tiền-vệ, Tam-giang, Xương-giang, Trấn-di, như Sái đồ-đốc và các quan Chỉ-huy, Thiên, Bách hộ ở Tam-ty gồm mấy trăm viên, quân lính 1 vạn mấy nghìn, trai gái nhớn nhỏ hơn 3 vạn, đều bị lũ các ông làm lỡ. so với mấy người tỳ tướng của tôi thì đảng nào khinh, đảng nào trọng, đảng nào được, đảng nào thua? Các ông không lo tính sự ấy mà lại còn ngông nghênh khoe mẽ, không khác gì bốn bề lửa cháy mà những con én trên nóc còn vui vẻ nhớn nhác, há chẳng rất đáng cười lắm ư? Vả nay ở vùng hai tỉnh Quảng (1) nghe thấy quân ta thừa thắng ruổi dài, giặc cướp thừa dịp nổi lên tứ tung. Tịch lịch Đại-vương (2) đã tự chiếm đất mà xưng đế, binh mã của ta ngày đêm tiến đánh, hiện các hạt Bàng-tướng, Long-châu (3) đã về tay ta. Vả mà các ông còn mong đợi viện binh, nói phao lên là viện binh sắp đến, thật chẳng khác gì người nói chuyện mộng ở trong mộng, lại càng đáng buồn cười biết mấy. Bữa nọ Sái đồ-đốc chỉ huy hàng nghìn vạn quân cùng các quan phủ, huyện, châu, xin tôi đem những sự lý ở trong chiến thư của Thái-tôn hoàng- đế (4) cho lập con cháu họ Trần,

về kinh trần tấu, và tố cáo quan Tổng-binh không trấn thủ nổi, lại gọi quân mã các nơi kéo về định việc hòa giải. rồi lại bội ước để làm cho mọi người lữ đở đều nhao nhao lên. Nhưng tôi vì cứ đã xem được bản tâu ngày trước, thấy quan Tổng-binh cũng thực có thành tâm, chỉ vì bọn Phương Mã (5) chúng làm mê hoặc mới đến nỗi như thế, nên chưa nỡ làm theo lời bản kia vội. Đại-nhân nế lại theo lời ước trước, lập tức hội quân, cùng hòa giải với Sái đồ đốc, một thì để khỏi cái khổ can qua cho hai nước, một thì để gỡ mối hờn oán của Sái Đồ-dốc vẫn bảo là đại-nhân đem bán ông ấy, như thế sẽ toàn được quân, khỏi được vạ, há chẳng tốt thay ! Nếu bằng chấp mê, liều chết không vì lẽ phải, thì cũng tức như vua Đường thái-tông bảo *tận trung vô ích* đó vậy. Và kẻ đại-trượng phu làm việc nên lỗi lỗi lạc lạc. Đại-nhân nếu muốn đánh mặt thủy thì nên đem hết chiến thuyền dàn bày trên sông quyết tử chiến ; bằng muốn đánh mặt bộ thì nên đem hết binh mã kéo ra đồng rộng, lưu lại một hai ngày để quyết sống mái. Không nên cứ lần lút ở trong góc thành, chọt ra chọt vào, cướp lấy rơm cỏ, tự cho như thế là đặc kế. Như vậy là việc làm của kẻ đàn bà con gái chứ không phải bậc đại-trượng phu chút nào.

CHỨC THÍCH

(1) Năm Đinh-mùi (1427). Tư không Lê Lễ, Thượng tướng Lê-Xi đánh nhau với giặc bị thua ở My-dộng (Hoàng-mai), vua nhân dịp thất cơ ấy, gửi thư này cho Vương-Thông.

(2) Một tướng giặc ở vùng lương Quảng.

(3) Tên đất thuộc tỉnh Quảng-tây.

(4) Tức vua Thành-lô.

(5) Phương-chính và Mã-Kỳ.



Lại thư đưa cho Vương-Thông

Tri phủ Thanh-hóa Lê Mỗ kính thư đề Tổng binh Thành Sơn Hân được biết.

Tôi nghe cái đáng quý ở người tuấn kiệt, chỉ ở chỗ biết thời thế và hiểu sự biến mà thôi. Tôi ngày xưa ở Khả-lam, (1) dẫu chẳng qua một thành, quân chẳng qua một lữ, mà thường bị bọn Mã Kỳ, Chu-Kiệt bức bách. Sau phải chạy trốn vào xứ Lão-quá ở núi Chí-linh đề đợi thời cơ, ăn không đủ hai bữa, áo mặc không kỹ đông hạ, quân bất quá có mấy trăm, khí giới thì rỗng không, họ hàng, anh em, thầy bạn phân tán các nơi, không được xum họp, mà bọn Phương-Chính Mã Kỳ, Vương-Thành, Phùng-Quý lại luôn luôn

đem quân đến đánh, quân sĩ của ta suốt ngày vất vả không một lúc nào được nghỉ ngơi. Song ở khốn mà hanh thông, đánh nhau thường thắng lợi, đi đến đâu đánh tan đến đấy, há chẳng phải bởi tự lòng trời hay sao ! Ngày nay thiên vận tuần hoàn chẳng cái gì đi mà không trở lại. Trước kia cơm ăn không đủ hai bữa, nay sản của kẻ địch mà tôi có lương trữ đủ 30 năm. Trước kia quân có độ mấy trăm, ngày nay quân phụ tử Thanh-hóa không kém hai vạn, những quân vốn có tiếng là dũng cảm tinh tráng ở Diên châu, Tàn-bình, Thuận-hóa đến hàng mấy vạn, cùng với các kẻ sĩ đồng tâm đồng lực ở các bộ Giao-châu không kém mười vạn, ngoài ra còn những chiến sĩ khác không kém cái số 30 vạn. Ngày trước thầy bạn, họ hàng phân tán, nay thì kẻ sĩ trí mưu tài thức chẳng khác gì cây rừng rừng rậm rợp. Ngày trước khí giới trống rỗng, nay thì tàn chiếu như mây, áo giáp rục rịch, thuốc súng đầy kho, cung tên chất đống. Lấy ngày nay so với ngày xưa, mạnh yếu khác nhau thế nào, tưởng đã đủ rõ. Phương chi nước Tàu vua chúa luôn năm chết chóc (2), cốt nhục tàn hại lẫn nhau (3), giặc bắc sâm lăng, đại thần lâm tránh, gia dĩ liên năm mất mùa, lại bày ra luôn những công việc thổ mộc, chính lệnh phiền nhiễu, giặc cướp lung tung. Từ năm Hồng-vũ (4) đến bây giờ, hay dùng binh một cách ngông

cần, làm cho trong nước trống rỗng, nhân dân xơ xác, Trời xanh giáng vạ, chính ở lúc này. Thế mà ông không hiểu thời, đặt biển, lại nghe lời nói của bọn Phương Mã (5) mà tính cái kế đánh giữ. Nếu những gã kia chúng có giỏi sự đánh giữ, sao không đánh bại tôi đi khi còn ở Khả-lam nhỏ yếu, nay lại còn khuếch khoác nổi gì, sao mà rất không biết suy nghĩ như vậy. Huống lại còn bưng tai bịt mắt người, đặt lời nói dối, phao lên là viện binh sắp đến Trương-phụ (6) lại sang. Các người sao không biết nghĩ ngày nay dù có viện binh 10 vạn, hỏi rằng có dám qua cửa quan kéo sang đây không? Đến như đốc cả quân trong nước kéo sang hoặc có độ ba bốn mươi vạn, nhưng hỏi rằng bên nước người ngày nay quả vô sự chẳng, hay là chính ở trong một nhà cũng còn lục đục? Như bọn Trương phụ ngày trước, chẳng qua là tra may một buổi mà được thành công. Hồi ấy họ Hồ thoán đoạt, người trong một nước đều coi như giặc thù, kẻ thân rời bỏ, kẻ sơ phản lại; Trương-phụ may gặp dịp ấy mà được thành công. Chứ như ngày nay, các người sao không nghĩ rằng ta binh mã nhiều thế nào, tâm lực sẵn thế nào, dù có hàng trăm Trương-phụ đến đây, cũng chẳng thể làm gì ta nổi. Huống chi thế nước của các người còn đương nao núng như vậy, lại sai Trương-phụ đem 3, 4 chục vạn quân đi khỏi cõi, hỏi rằng nhà các người có thể yên tâm được không? Nay ta tính kế cho bọn ông, chẳng gì bằng cùng Sái

Đô-đốc kéo quân trở về là tốt hơn cả. Nếu không thế, cớ ta một phất, trống ta một đánh, bọn ông sẽ hối chẳng kịp nào. Kinh Dịch nói rằng : « cùng thì biến, biến thì thông », các ông sao không nghĩ điều đó mà cứ khur khur cố giữ lấy cái tiết nhỏ của Trương-Tuần, Hứa-Viễn. Ta sợ rằng quân sĩ ngày đêm mong về sốt ruột, lại thêm nổi cháo cơm thiếu thốn, tật bệnh quấy rầy, dù các ông có muốn đánh giữ nhưng cũng chẳng có ai theo cả. Tục ngữ có câu : « *một ngày hết ăn, cha con không nghĩ* ». Vả bọn Phương Mã là những tên tướng bại binh, không có thể nói giỏi gì được. Các ông nên suy nghĩ kỹ càng.

CHÚ THÍCH

- (1) Tức đất Lam-sơn ở Thanh-hóa.
- (2) Năm Giáp-thìn (1424), Minh Thành-tổ chết, năm Ất-tỵ (1425) Minh Nhân-tôn chết.
- (3) Việc Hán-vương Cao Hú làm phản năm Bình-ngọ (1425)
- (4) Hồng-vũ là niên hiệu của Minh Thái-tổ (1368-1398).
- (5) Phương-chính, Mã-kỳ, quan nhà Minh.
- (6) Trương-phụ là tướng Minh, hồi hậu Trần đem quân sang cướp nước ta, sau vua Tàu triệu về,
- (7) Trương Tuần, Hứa-viễn là hai viên tướng đời Đường Huyền-tôn. Hồi loạn An-lộc-Sơn, hai người cố chết giữ thành Tuy-dương, lương hết, thành hãm, bị hại



Thư đưa cho Sái Đô-đốc (1)

Đệ Lam-sơn kính thư cùng lão huynh Sái-Công túc hạ. Nay sĩ quý ở gấp, đạo quý ở hành. Nhưng đạo hành hay không hành, tất quan hệ ở thời gấp hay không gấp. Cho nên những bậc anh hùng hào kiệt đời xưa, bao giờ cũng chỉ mang một cái chí nguyện là dốc cả đáy lòng để làm cho đạo ấy được sáng láng ra giữa cõi thế ; nhưng thời gấp hay không gấp, chẳng qua cũng tự giới sui khiến. Ngày xưa Bách Lý Hề ở nước Ngu mà Ngu mất, sang nước Tần mà Tần làm nên nghiệp bá (2), Lý Tả Xa ở nước Triệu mà Triệu diệt, sang nước Hán mà Hán đẩy lên (3). Há phải là ngu ở nước nọ mà khôn ở nước kia đâu, chỉ do thời gấp và không gấp mà thôi đó.

Lão-huynh là vị túc tướng của tiên triều, khi quân Tàu mới sang Giao-Chỉ, đánh thành Đa-na ông từng bắc thang mây trèo lên đầu tiên, công cao bậc nhất. Sau đó, mỗi năm đánh dẹp, ông thường lập được chiến công. Nhưng không may chẳng được đời biết đến mình, chẳng thể vượt lên trên người khác. Gia dĩ lại thường bị khiển trách mà chỉ chẳng được thỏa, đạo chẳng được hành rút lại ngày nay lại bị Vương-Thông đem bán chác. Đó là sự không may cho ông mà cũng là sự rất không may cho nước Tàu vậy, so với khi xưa Bách Lý-Hề ở Ngu, Lý Tả-Xa ở Triệu,

có khác gì đâu. Nay chúa thượng nước tôi (4) vốn nghe tiếng ông là bậc hiền, muốn đặt ông vào bậc đại thần để được nghe lời dạy bảo. Không hiểu ông có sẵn lòng như Hàn-Tin bỏ Sở mà về Hán chăng ? quốc chúa tôi sẽ nhường cơm sẻ áo, quyết chẳng kém gì vua Hán Cao (5). Hay là như Co-tử không chịu làm tôi nhà Chu chăng ? quốc-chúa tôi sẽ xuống xe hỏi đạo, quyết chẳng nhường vua Chu Vũ (6). Hai đường ấy, chẳng hay ông định đi đường nào ? Vả sự hưng vong, thịnh suy của một nước là quan hệ ở mệnh giới, thực không phải sức người có thể làm gì được. Nay ông nếu lại trở về chịu sự cất dùng của Trung-quốc hiện nay trong có cái vạ người nhà (7) ngoài có cái lo giặc Bắc (8), nằng lự nổi tiếp, yếu nghiệt thường sinh, đại thần bỏ đi, cả nước lia bỏ, giới gieo tai vạ, chẳng sớm thì chiều. Phàm là kẻ sĩ minh triết, cần phải sớm nhìn thấu cái cơ nhiệm nhứt. Như bọn ông thật là không may mà gặp cái thời không thể làm, lại không may mà không được đuổi cái chí muốn làm, chính như vua Đường Thái Tôn đã bảo tận trung chỉ là vô ích đó. Nay cái kế hay của ông là không gì bằng thuận với sở ngộ và nghe theo mệnh giới, nhân thời cơ này gây dựng công nghiệp, khiến cho dân chúng may được thoát cái khổ lầm cát mà công trạng lớn lao của ông cũng được rõ ràng ở sử xanh, há chẳng tốt thay ! Nếu cứ khư khư giữ cái tiết nhỏ,

e không phải là kẻ hào kiệt thức thời vậy. Kính xin rửa xét, thư chẳng hết nhời.

CHÚ THÍCH

(1) Sái Phúc, tướng Minh đầu hàng quân ta.

(2) Bách-lý-Hề làm quan nước Ngưu đòi Xuân-thu, vua Ngưu không nghe theo kế sách mà bị nước Tấn diệt. Sau Hề sang giúp nước Tần, Tần làm nên nghiệp Bá.

(3) Lý-tả-Xa là quan nước Triệu. Khi tướng Hán là Hàn-Tin, Trương-Nhĩ sang đánh Triệu, Tả-Xa bày kế chặn đường cắt lương mà tướng Triệu là Trần-Dur không nghe, rồi Triệu bị diệt. Sau Tả-Xa sang giúp Hán.

(4) Trử Trần-Cao.

(5) Hàn-Tin trước theo Sở nhưng Hạng-Vũ không biết dùng, sau bỏ Sở sang giúp Hán, Hán-Vương rất trọng dụng, nhường cơm sẻ áo, đặc cách trao cho chức Nguyên súy.

(6) Cơ tử là bề tôi nhà Ân, nhà Ân mất, ông không chịu làm tôi nhà Chu, vua Vũ-Vương nhà Chu lén mình hỏi kế và phong cho ông ở xứ Triều-tiên.

(7) Việc hoàng-thân Cao Hú nổi loạn.

(8) Bây giờ dòng dõi nhà Nguyên còn đóng ở miền bắc, thường đem quân đến đánh nhà Minh.

Văn tập

至靈山賦 Chí-linh sơn phú

神龍起兮飛塹山

Thần long khởi hề phi Lam kinh

天戈指兮朔塞清

Thiên qua chỉ hề sóc tái thanh

創業之功成悶懋

Sáng nghiệp chi công thành bí mậu,

西土之山川有靈

Tây thổ chi sơn xuyên hữu linh.

繫我皇之聖武

Ê ngũ hoàng chi thánh vũ,

當四方之經營

Đương tứ phương chi kinh, doanh

國步之屯

Quốc bộ phương truân,

心困慮衡

Tâm khốn lữ hành

既於天而取必

Kỳ ư thiên nhi thủ tất

乃勵志以竟成

Nãi lệ chí dĩ cánh thành.

此今日所以化胡越爲家

Thử kim nhật sở dĩ hóa Hồ Việt vi nhất gia.

而茲山得以千古垂名也

Nhi tư sơn đắc dĩ thiên cổ thùy danh dã.

Nghĩa : Rồng thần nổi dậy bay lên từ Lam-kinh (2), ngọn giáo giờ chỉ ra ải bắc quang sạch. Cuộc sáng nghiệp thành công tốt đẹp, đó là do núi sông miền tây (3) linh thiêng. Ôi, vua ta thật là bậc thánh võ, đương lấy việc kinh doanh bốn phương. Bước nước gặp lúc truân chuyên, ngài từng phải náo lòng khổ trí lo nghĩ. Đã dò xét ý giờ mà cầm vững mệnh vận, bèn gắng chí để làm lấy thành. Bởi thế mà ngày nay mới hóa được Hồ Việt thành ra một nhà, và núi này mới được nghìn năm nức tiếng.

當其義兵初起

Đương kỳ nghĩa binh sơ khởi

賊勢方張

Tặc thế phương trương

一國英豪

Nhất quốc anh hào,

秋樹隕霜

Thu thụ vãn sương

志吞吳兮孰種孰蠶

Chí thôn Ngô hề, thực Chủng, thực Lãi?

圖興漢兮孰平孰良

Đồ hưng Hán hề, thực Bình, thực Lương?

我皇方遁跡于茲山

Ngã hoàng phương dộn tích vu tư sơn,

惟鏟采以埋光

Duy sản thái dĩ mai quang.

妻子流離

Thê tử lưu ly

士卒散亡

Sĩ tốt tán vong

雖處困而益亨

Tuy xử khốn nhi ích hạnh.

知將興之有祥

Tri tương hưng chi hữu tường.

躬介冑以爲衣

Cung giới trượng dĩ vi y

食菜根而爲糧

Thực thái-căn nhi vi lương,

志汲汲而圖回

Chi cấp cấp nhi đồ hồi,

心鬱鬱而不亡

Tâm uất uất nhi bất vương.

想此山於此時兮豈不

似漢皇之在芒陽者耶

*Tưởng thử sơn ư thử thời hề khởi bất
tự Hán hoàng chi tại Mang-trường giả da ?*

Nghĩa : Đương khi nghĩa binh mới nổi, thế giặc đương mạnh. Anh hùng một nước, thừa thót như cây thu rụng lá. Chỉ nuốt giặc Ngô ai là Văn Chung, là Phạm-Lãi (4) ? Mưu dấy nhà Hán ai là Trần-Bình, là Trương-Lương (5) ? Vua ta nấu vết ở núi này chỉ im hơi kín tiếng. Vợ con trôi giạt, quân lính tản mát. Nhưng tuy ở cảnh khốn mà vẫn bền lòng, vì biết có diêm lành sắp dấy lên được. Minh lấy áo giáp làm áo, bữa lấy củ rau làm cơm. Chỉ hăm hở mưu việc thu hồi, lòng bạo bực chẳng hề quên nhãng. Tưởng núi này đương khi ấy, há chẳng giống như núi Mang-Trường khi vua Hán ở đấy ư (6) ?

由其知彼知已

Do kỳ tri bỉ tri kỷ,

能弱能彊

Năng nhược năng cường.

待時伺弊

Đãi thời tứ tệ.

收鋒斂芒

Thu phong liễm mang

枕薪而卧

Trâm tân nhi ngoạ

懸腑而嘗

Huyền phủ nhi thường.

想此山於斯時兮豈不

似會誓之棲越王者耶

Tưởng thử sơn ư tư thời hề, khởi bất tự Cối-kê chi thê Việt-vương giả da ?

Nghĩa : Do ở sự biết người biết mình, hay yếu hay mạnh, đợi thời chờ dịp, giấu sắc thu nhọn, gói củi mà nằm, treo mật mà rằm (7), lo rửa hồ trước, dễ phục cõi xưa. Tưởng núi này đương khi ấy, há chẳng giống núi Cối-kê khi vua Việt đậu (8) đấy ư ?

既乃收其散卒

Ký nãi thu kỳ tán tốt,

撫養益勤

Phủ dưỡng ích cần.

內修戰具

Nội tu chiến cụ

外托和親

Ngoại thác hòa thân

捐金募士

Quyên kim mộ sĩ

殺象饗軍

Sát tượng hưởng quân

人懷親上以死長

Nhân hoài thân thượng dĩ tử trường,

思欲効力以酬恩

Tư dục hiệu lực dĩ thù ân

Nghĩa : Rồi bèn thu những quân tan, chăm nuôi săn sóc. Trong sửa chiến cụ, ngoài vờ hòa thân. Quyên tiền mộ lính, giết voi khao quân. Mọi người đều thân mến và sẵn sàng hy sinh, mong đem sức lực ra đề đền ơn đức.

於是練兵選將

Ở thị luyện binh tuyển tướng

制勝出奇

Chế thắng xuất kỳ

生辱死榮知我軍之可用

Sinh nhục tử vinh. tri ngã quân chi khả dụng

餽糧器械皆因敵以爲資

Hầu lương khí giới, dai nhân địch dĩ vì tư

萬全以取

Vạn toàn dĩ thủ

一蹶不潰

Nhất thống bất di

葉彭誓首以獻地

Cầm Bành kê thủ dĩ hiến địa

方政嗟喝以洞疑

Phương Chính khư hát dĩ đồng nghi

乃據險而立功

Nãi cứ hiểm nhi lập công

又多方以誤之

Hựu đa phương dĩ ngộ chi

夜則舉火

Đạ tắc cử hỏa

晝則張旗

Chú tắc trương kỳ

杜家之侵地爭便

Đỗ gia chi xâm địa tranh tiện

可留之渡江沉師

Khả lưu chi độ giang trầm sư

雷轟電掣

Lôi oanh điện xiết

竹破灰飛

Trúc phá hôi phi

朱傑檻車

Chu kiệt hạm xa

黃誠暴屍

Hoàng thành bộc thi

父安之地已爲我有

Nghệ an chi địa dĩ vi ngã hữu

西都之捷疾於飈馳

Tây đô chi thiệp tạt ư tiêu tri

夾道壺漿

Giáp đạo hồ tương

來者如歸

Lai giả như quy

豪傑咸憤以切齒

Hào kiệt hàm phẫn dĩ thiết sỉ

父老感泣而歔歔

Phụ lão cảm khấp nhi khư hy

我之軍聲日以益振

Ngã chi quân thanh nhật dĩ ích chấn

賊之奔命日以益疲

Tặc chi bôn mệnh nhật dĩ ích bì

市橋之崩堤潰蟻

Thị kiều chi băng đề hội nghĩ

率洞之勁風摧萎

Tốt động chi kinh phong tồi nuy

陳洽李亮之深坑墜虎

*Trần Hiệp Lý Lượng chi thâm khanh
trụy hổ*

王通馬騏之沸鼎

Vương Thông Mã Kỳ chi phi đỉnh

當此之時豈不似漢高

Đương thử chi thời, khởi bất tự Hán Cao

垓下四面之圍者耶

Cai hạ tứ diện chi vi giả da ?

Nghĩa : Đó rồi luyện binh kén tướng, tính lấy cách thắng và ra quân lối lạ. Quân lính có bụng nghĩ sống nhục thà rằng thác vinh, biết là họ có thể dùng được, lương thực khí giới thì đều lấy được của quân giặc để làm của mình. Bằng cách vạn toàn mà thu lấy, dù một mũi tên không bỏ sót. Cầm Bành (9) đập đầu dăng đất. Phương Chính (10) sợ hãi hốt hoảng. Bèn giữ chỗ hiểm để lập công, lại dùng nhiều cách để cho họ lầm lẫn. Đêm thì đốt lửa, ngày thì kéo cờ. Trận đánh ở Đổ-gia, lấn đất tranh lấy chỗ tiện. Trận đánh ở Khả-lưu qua sông đánh chìm quân địch. Sấm ran chớp rập, trúc chẻ khói bay. Chu-Kiệt phải vào cũi, Hoàng Thành phải phơi xác. Cối đất Nghê-an ta đã thu về, trận thắng Tây-dò (11) lại nhanh như bão. Dọc đường dân chúng đem gạo rượu ra đón dăng và theo về đồng lắm. Mọi người hào kiệt đều tức giận quân giặc nghiêng hăm rằng lại, các kẻ phụ lão đều cảm động mà khóc nước nỏ. Quân ta thanh thế ngày càng nổi dậy, bèn giặc chạy chột ngày càng mỏi mệt. Trận đánh ở Thi-khâu (12) như dê lở vỡ tung đàn kiến, trận đánh ở Tốt-động (13) như gió mạnh thổi gãy cành mềm. Trần-Hiệp, Lý-Lượng như những con hồ xa xuống hầm sâu, Vương-Thông, Mã-Kỳ như những con cá ở trong vạc sủi. Non sông muôn dặm thấy đều lấy lại, chợ búa Đông-dò (14)

không bị đòi dòi. Dương khi bấy giờ, há chẳng
giống như vua Hán Cao bốn mặt vây bọc quân
Sở ở Cai-hạ ư?

柰何狂虜之貪心不戢

Nại hà cuồng lô chi tham tâm bất trấp

舉國之援兵復來

Cử quốc chi viện binh phục lai.

以油救焚

Dĩ dầu cứu quân

樂禍幸災

Lạc họa hạnh tai

柳昇送死而支凌流血

Liêu-Thăng tống tử nhi Chi-lăng lưu huyết

沐晟宵遁而冷涇積骸

Mộc-Thạnh tiêu dộn nhi Lãng kinh tích hài

兩路救兵不旋踵而俱敗

*Lưỡng lộ cứu binh bất toản chủng nhi
câu bại*

各處賊城不血刃而自開

*Các xứ tặc hành bất huyết nhận nhi
tự khai.*

掉尾乞憐

Trạo vĩ khất liềm

誠 切 堪 哀

Thành thiết kham ai

當 此 之 時 豈 不 似 句 踐 困

吳 王 之 於 姑 蘇 臺 者 耶

*Đương thử chi thời, khởi bất tự Câu
Tiễn khốn Ngô vương chi ư Cô-tô đài
giả da ?*

Nghĩa : Vậy mà có sao lòng tham của giặc
dại không khép lại, viện binh trong khắp nước
lại kéo sang. Đem dầu để chữa cháy, thích gieo
những tai vạ. Ái Chi-lăng (16) đổ máu, Liễu-Thăng
đưa mình đến chỗ chết, đất Lãnh kinh chất xương
Mộc-thạch đương đêm phải chạy trốn. Quân
cứu hai đạo trong chốc lát chưa gỡ gót chân
mà đều thua cả, thành giặc các nơi, không
phải rây máu vào lưỡi dao mà chúng đều phải,
mở cửa ra hàng. Ve vầy đuôi xin thương mà tha
cho, chúng kêu van thiết thảm thật đáng ái ngại.
Đương khi bấy giờ, há chẳng giống như Câu-
Tiễn làm khốn vua Ngô ở đài Cô-Tô (17) đấy ư ?

雖 然 漢 高 之 規 模 宏 遠

正 似 吾 皇 今 日 之 盛

*Tuy nhiên, Hán Cao chi quy mô hoành
viễn, chính tự ngô hoàng kim nhật
chi thịnh*

句踐特取其復讎之志而已
豈足以擬議其萬一哉

*Câu tiễn đặc thủ kỳ phục thù chí chí nhi
dĩ, khởi túc dĩ nghĩ nghị kỳ vạn nhất tái !*

Nghĩa : Tuy nhiên, vua Hán-Cao là bậc quý
mở rộng xa, chính giống như vua ta ngày nay,
còn Câu-Tiến chỉ là kẻ cái chí phục thù mà thôi,
chứ há đủ so sánh trong muôn một được.

至若神武不殺

Chí nhược thần vũ bất sát

大德好生

Đại đức hiếu sinh

念國家長久之計

Niệm quốc gia trường cửu chi kế

放十萬乞降之兵

Phóng thập vạn khất hàng chi binh

修兩國之和好

Tư lưỡng quốc chi hòa hiếu

息萬世之戰爭

Tức vạn thế chi chiến tranh

全國爲上

Toàn quốc vi thượng

惟圖輯寧

Duy đồ tập ninh

是則我皇之盛德

又豈高祖同日之俱語
將與二帝三王而並稱者也

*Thị tắc ngã hoàng chi thịnh đức, hựu khởi
Cao-tổ đồng nhật chi câu ngữ, tương dữ nhị
Đế tam Vương nhi tịnh xưng giả dã.*

Nghĩa : Đến như thần võ chẳng giết đức lớn muốn cho mọi loài cùng được sống, nghĩ kể lâu dài cho nhà nước, thả quân xin hàng mười vạn người, sửa cuộc hòa hiếu của hai nước, dập nặn chiến tranh cho muôn đời, chỉ cần lấy vẹn nước là hơn, nên cốt thu xếp cho yên ổn, thì cái thịnh đức của vua ta, lại há rằng vua Cao-tổ có thể cùng ngày mà nói chuyện được, hầu cùng với hai đời đế ba đời vương (18) chung tiếng khen.

嗟乎古往今來

Ta hồ cổ vãng kim lai

百世可推

Bách thế khả suy

堯興唐侯

Nghiêu hưng Đường-hầu

舜起側微

Thuần khởi trắc vi

成湯之載自亳

Thành vương chi tải tự Bạc,

太王之遷于岐

Thái vương chi thiên vu Kì

益多難乃與邦之本

Cải đa nạn nãi hưng bang chi bản

而殷憂實啓聖之基

Nhi ân ưu thực khải thánh chi kỳ

歷變多則思慮深

Lịch biến đa tắc tư lự thâm.

計事遠則成功奇

Kế sự viễn tắc thành công kỳ

帝王之興莫不由斯

Đế vương chi hưng mạc bất do tỳ

然則我皇之業

實由此而創始

*Nhiên tắc ngã hoàng chi nghiệp thực do
thử sơn nhi sáng thủy.*

而我皇之隆功盛德
長與此山而巍巍者乎

*Nhi ngã hoàng chi long công thịnh đức
trùng dữ thử sơn nhi nguy nguy giả hồ.*

Nghĩa : Than ôi ! xưa đi nay lại, trăm đời khá suy. Vua Nghiêu nổi lên từ trước Đường-hầu (1) vua Thuấn dấy lên từ bước hàn vi, vua Thành Thang bắt đầu từ ấp Bạc (20) vua Thái-Vương phải thiên đến đất Kỳ (21) xưa nay nhiều nạn vẫn là gốc hưng bang, mà lo toàn thật là nền khai thánh. Trải biến nhiều thì lo nghĩ sâu, tính việc xa thì thành công lạ. Các bậc đế vương dấy lên, chẳng bậc nào là không như thế. Thế thì cơ nghiệp của vua ta, thật do núi ấy mà gây dựng và công cao đức lớn của vua ta sẽ cùng núi ấy mà vợi vợi lâu dài đó chẳng !

乃拜首罄首而獻歌曰

Nãi bái thủ kê thủ nhi hiến ca viết :

天啓聖兮地興王

Thiên khai thánh hề địa hưng vương

乾坤草昧兮運際非常

Càn khôn thảo muội hề vận tế phi thường

覩此山之義義兮

Đồ tự sơn chi nghĩa nghĩa hề niệm tích nhật

念 昔 日 之 艱 苦

nhật chi gian khổ.

撫 王 業 之 攸 基 兮

何 日 能 忘

*Phủ vương nghiệp chi du cơ hề hà nhật
năng vương ?*

願 紀 盛 德 以 勒 貞 珉 兮

永 垂 不 朽

*Nguyện kỷ thịnh đức dĩ lệ trinh dân hề
vĩnh thủy bất hủ*

亘 千 古 與 萬 古 兮

同 天 地 而 長 久

*Cảng thiên cổ dữ vạn cổ hề, đồng thiên
địa nhi trường cửu.*

Nghĩa : Bèn cúi đầu dập đầu mà dâng lời ca rằng : Trời sinh bậc thánh chủ, đất giầy vì vương. Kiền khôn trong buổi hang rậm chủ, gặp vận phi thường. Trông núi này cao vọi vọi chủ như lại những ngày xưa vất vả. Giữ cái nghiệp vương xây nên từ đây chủ, ngày nào có thể quên? Xin chép đức lớn và khắc vào đá rắn chủ, để mãi không nát. Suốt nghìn năm đến muôn năm chủ, cùng trời đất mà dài lâu.

CHÚ THÍCH

(1) Núi này ở huyện Thụy - nguyên tỉnh Thanh-hóa, vua Lê Thái-tổ hồi khởi nghĩa nhiều lần bị thua, phải lui về ẩn tránh ở đây.

(2) Quê vua Lê Thái-tổ ở làng Lam-sơn huyện Thụy-nguyên, sau khi lên ngôi vua sai dựng ra cung điện ở đó, gọi là Lam-kinh.

(3) Trò núi Chí-linh.

(4) Văn Chung, Phạm-Lãi giúp vua Câu-Tiến nước Việt mưu sự nuốt Ngô để rửa thù.

(5) Trần-Bình, Trương Lương giúp vua Hán Cao-tổ gây dựng nên nhà Hán.

(6) Núi Mang-Trường ở huyện Trường-sơn, tỉnh Giang-tô nước Tàu, vua Hán Cao-tổ hồi còn hàn-vi-thường vào ẩn nấu ở đây. Mang và Trường nguyên là tên hai trái núi ở cách nhau 8 dặm, người ta đem gọi chung làm một.

(7) Nằm lên cúi, nệm miêng mật, nói sự tự khắc-khó. Câu-Tiến ở Ngô về, lập chí trả thù, thường treo miêng mật ở chỗ ngồi thỉnh thoảng nệm một tý.

(8) Vua Việt Câu-Tiến khi chưa đắc chí phải nhịn nhục ở núi Côi-kê.

(9) (10) Đều tên các tướng Tàu. Phía dưới này cũng vậy.

- (11) Thuộc Thanh-hóa.
- (12) Nay thuộc Bắc ninh.
- (13) Nay thuộc Hà-dông.
- (14) Tức Hà-nội.
- (15) Ở huyện Linh-bích, tỉnh An-hung.
- (16) Thuộc Lạng-sơn
- (17) Vua Ngô tên là Phù-Sai. Đãi Cô-tô xưa ở đất tỉnh Giang-tô bây giờ.
- (18) Hai đời Đề là Đường, Ngu, ba đời Vương là Hạ, Thương, Chu.
- (19) Vua Nghiêu vốn là con vua Đề Cốc, trước được phong tước hầu đất Đường, sau anh là Đề Chí làm vua bạo ác, Chư hầu bỏ đi mà lập lên làm vua.
- (20) Vua Thành Thang nhà Thương ban đầu giữ chức cai-trị ấp Bạc.
- (21) Vua Thái-vương là tổ nhà Chu, trước đóng ở đất Mân, sau vì quân rợ thường vào lân cướp, phải thiên dền ở đất Kỳ.



崑山歌
Côn sơn ca (1)

崑山有泉
Côn sơn hữu tuyền,
其聲冷冷然
Kỳ thanh lãnh lãnh nhiên
吾以爲琴絃
Ngô dĩ vi cầm huyền,

崑山有石
Côn sơn hữu thạch
雨洗苔鋪碧
Vũ tẩy đài phổ bích
吾以爲簟席
Ngô dĩ vi đạm tịch

岩中有松
Nham trung hữu tùng,
萬里翠童童
Vạn lý thủy đồng đồng,

(1) Bài này đáng nhẽ đặt vào cuối mục thi tập, do thơ là đặt sót, vậy xin đặt vào đây.

吾於是乎偃息其中

Ngô ư thị hồ yển tức kỳ trung

林中有竹

Lâm trung hữu trúc

千畝印寒綠

Thiên mẫu ấn hàn lục

吾於是乎吟嘯其側

Ngô ư thị hồ ngâm khiêu kỳ trắc.

問君何不歸去來

Vấn quân hà bất quy khứ lai,

半生塵土長膠梔

Bán sinh trần thổ trường giao côi.

萬鐘九鼎何必然

Vạn chung cửu đỉnh hà tất nhiên,

飲水飯蔬隨分足

Am thủy, phạn sơ tùy phạn túc.

君不見董卓黃金盈一塢

*Quân bất kiến Đông-Trác hoàng kim
doanh nhất ô,*

元載胡椒八百斛

Nguyễn tải hồ tiêu bát bách斛.

又不見伯夷與叔齊

Hạu bất kiến Bá Di dũ Thúc Tề.

首陽餓死不食粟

Thủ dương ngã tử bất thực túc

賢愚二者不相侔

Hiền ngu lưỡng giả bất tương mầu

亦各自求其所欲

Diệc các tự cầu kỳ sở dục

人生百歲內

Nhân sinh bách tuế nội

畢竟同草木

Tất cánh đồng thảo mộc

歡悲憂樂迭往來

Hoan bi ưu lạc điệt vãn lai

一榮一謝還相續

Nhất vinh nhất tạ hoàn tương tục

丘山華屋亦偶然

Khâu sơn hoa ốc diệc ngẫu nhiên,

死後誰榮更誰辱

Tử hậu thù vinh cánh thù nhục ?

人間若有巢由徒

Nhân gian nhược hữu Sào Do đồ,

勸渠聽我山中曲

Khuyến cừ thính ngã sơn trung khúc.

Phiên dịch

Bài ca Côn-sơn

Côn-sơn có suối, tiêng nước chảy rành rách ta coi làm đàn cầm. Côn-sơn có đá, mưa rứa rêu phô biếc, ta coi làm đệm, chiếu. Bèn ghênh có thông, muôn dặm xanh ngăn ngắt, ta nằm nghỉ ngơi ở bên trong. Trong rừng có trúc, nghìn mẫu in màu xanh lạnh, ta ngâm nga ở bên cạnh. Này hỡi ai, sao không tìm về với núi rừng di, nửa đời người giam buộc mình mãi ở trong cát bụi. Thóc hàng muôn chung (1) của có chín vạc (2), phải cần như thê để làm gì ? Uống nước lã, ăn cơm rau hãy tùy phận mà gặp sao hay vậy.

Kìa ai chẳng xem đời xưa Đông-Trác có đến đây một ổ vàng tốt (3). Nguyên-Gải có đến tám trăm học hó-tiêu (4). Lại chẳng xem Bá-Di cùng Thúc-Tê, nằm chết đói ở núi Thù-dương không chịu ăn thóc (5). Đó là hiền ngu hai hạng không thể so sánh được với nhau nhưng cũng là đi tìm cho thỏa cái ý muốn riêng.

Ta nên biết rằng : Người sống trong trăm năm, rút lại rồi cũng cùng với cây cỏ cùng nát. Cái mừng, cái buồn, cái lo, cái vui, nó cứ thay đổi cái nọ đi, cái kia đến, một tươi một héo cứ nối tiếp theo nhau, Gò đồng mấp mô hay cửa nhà lộng lẫy (6) cũng chỉ là sự tình cờ thôi, sau khi chết rồi còn ai là vinh ai là nhục nữa ? Tội gì mà phải hỷ hục lắm. Ở thế-gian này nên có hạng người cao-án như Sáo-Phủ Hứa-Do (7) đời xưa, khuyên các người ấy hãy nghe tôi hát một khúc ca trong núi.

CHÚ THÍCH

(1) Chung là cái đồ dẽ đồng đời xưa, trong chứa được 6 hộc 4 đấu.

(2) Vua Đại-Vũ làm vua đúc chín cái vạc dẽ hình tượng chín châu trong thiên hạ. Về sau các triều vua, thường bắt chước đúc ra chín vạc.

(3) Đồng-Trác người đời Hán,

(4) Nguyên-Tải người đời Đường — Cái hộc đời xưa chứa 10 đấu, đời sau chứa 5 đấu — Hai người trên này đều là hạng cực giàu sang.

(5) Bá-Di, Thúc-Tế là người đời nhà Ân. Nhà Chu diệt nhà Ân lên làm vua, hai ông này vào ở ẩn trong núi Thù-Dương, nhất định không thèm ăn thóc đời Chu để tỏ ý phản

đòi, chỉ hái rau vi trong núi mà ăn. Sau hai người cùng chết đói ở trong núi,

(6) Gò đồng mập mạp là nơi cảnh mỡ má cửa nhà lộng lẫy là nơi cảnh phú quý. Thơ của Tào-Thực : « Sinh tôn hoa ôc xư, linh lạc quy sơn nhân » nghĩa là : sông còn ở nhà hoa, héo rụng về nằm đất,

(7) Sào-Phủ, Hứa-Do là hai nhà ẩn sĩ về đời vua Nghiêu.

Dịch văn

*Côn - sơn có suối,
Tiếng nước chảy rì rầm,
Ta coi làm đàn cầm.
Côn - sơn có đá,
Mưa dột rêu phủ xám,
Ta coi làm chiếu thảm.
Trên đèo có thông,
Muôn dặm biếc mộng lung,
Ta thả thoi nằm nghỉ bên trong.
Giữa rừng có trúc,
Nghìn mẫu xanh chen chúc,
Ta đứng đỉnh ca ngám dưới gốc.
Hỏi ai sao chẳng sớm quay về ?
Nửa đời vui mãi trong lâm đục.
Muốn chung chín vạc để làm gì ?
Nước lũ cơm rau hãy tri túc.*

Kìa chẳng thấy Đồng-Trác bạc vàng đầy
một ồ,

Nguyên-Tải hồ tiêu tám trăm hộc,
Lại chẳng thấy Bá-Di cùng Thúc-Tề,
Năm khó trong núi không ăn thóc.
Hiền ngu tuy có khác nhau xa,
Đều chạy đi theo lòng sở dục.
Người sống trong trăm năm,
Sẽ cùng cây cỏ mục.
Vui buồn sướng khổ đổi thay nhau,
Một tươi một héo thường tiếp tục.
Đổi rậm lâu hoa cũng ngẫu nhiên,
Chết rồi hỏi ai vinh với nhục ?
Nhân gian nếu có bọn Sào, Do.
Khuyên hãy nghe ta hát một khúc.



平 吳 大 誥

Bình Ngô đại cáo

代 天 行 化 皇 帝 制 曰

Đại thiên hành hóa, Hoàng - đế chế
viết :

仁 義 之 舉 務 在 安 民

Nhân nghĩa chi cử, vụ tại an dân;

吊 伐 之 師 莫 先 去 暴

Diễn phạt chi sư, mạc tiên khứ bạo.

惟我大越之國

Duy ngã Đại-Việt chi quốc

實爲文獻之邦

Thực vi văn hiến chi bang

山川之風物旣殊

Sơn xuyên chi phong vật kỳ thù,

南比之風俗亦異

Nam bắc chi phong tục diệc dị.

粵趙丁李陳之肇造我國

*Việt Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triều tạo
ngã quốc,*

興漢唐宋元而各帝一方

*Dĩ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các
đế nhất phương.*

雖彊弱時或不同

Tuy cường nhược thời hoặc bất đồng

而豪傑世未嘗乏

Nhi hào kiệt thế vị thường phạp,

故劉龔貪功而取禍

Cố Lưu Công tham công chi thủ họa,

趙局好大而趣亡

Triệu Tiết hiếu đại nhi súc vong

竣都旣矜於鹹子關

Toa-Đô ký cảm ư Hàm-tử quan

烏馬又殪於白勝海

Ô Mã hựu ế ư Bạch-dăng hải,

晉諸往古

Kể chư vãng cổ

厥有明徵

Quyết hữu minh trưng,

頃因胡政之煩苛

Khoảnh nhân Hồ chính chi phiền hà

致使人心之患叛

Trị sử nhân tâm chi oán叛

狂明伺隙因以毒我民

Cuồng Minh tì khích, nhân dĩ độc ngã dân

偽黨懷奸竟以賣我國

Ngụy đảng hoài gian, cánh dĩ mai ngã quốc

所蒼生於虐焰

Hân thương sinh ư ngược diễm,

陷赤子於禍坑

Hãm xích tử ư họa khanh

欺天罔民詭計益千萬狀

*Khi thiên vông dân, quỷ kế cái thiên
vạn trạng*

連兵結讎稔惡殆二十年

*Liên binh kết hân, nãm ác dãi nhị
thập niên.*

敗義傷仁乾坤幾乎欲息

*Bại nghĩa thương nhân càn khôn cơ hồ
dục tức,*

重科厚歛山澤靡有了遺

*Trọng khoa hậu liêm, sơn trạch mỹ hữu
kiết di*

開金場則膏嵐瘴而斧

山陶沙

*Khai kim trường tắc mao lam chương
nhị phủ sơn đào sa.*

採明珠則觸蛟龍而
組腰余水

*Thái Minh-châu tắc xúc giao long nhi
cảng yêu thồn thủy*

擾民設玄鹿之陷阱

Nhiều dân thiết huyền lộc chi hãm tịnh;

殄物緇翠之網羅

Chán vật chức thúy càm chi võng la.

昆蟲草木皆不得以遂
其生

*Côn trùng thảo mộc, giai bất đắc dĩ toại
kỳ sinh*

鰥寡顛連俱不獲以安
其所

*Quan quả diên liên, câu bất hoạch dĩ an
kỳ sở,*

浚生靈之血以潤樂驕
之吻牙

*Tuần sinh linh chi huyết dĩ nhuận kiệt
hiệt chi vãn nha*

極土水之功以崇公私
之解宇

*Cực thổ mộc chi công dĩ sùng công tư
chi giải vũ*

州里之征徭重困

Châu lý chi chinh giao trọng khổn,

閭閻之杼柚皆空

Lư diên chi trử trục giai không.

決東海之波不足以撫
其汚

*Quyết Đông - hải chi ba bất túc dĩ trạc
kỳ ô ;*

罄南山之竹不足以書
其惡

*Khánh Nam-sơn chi trúc bất túc dĩ thư
kỳ ác,*

神人之所共憤

Thần nhân chi sở cộng phẫn

天地之所不容

Thiên địa chi sở bất dung

予奮跡藍山

Dư phẫn tích Lam-sơn

棲身荒野

Thê thân hoang dã

念世讎豈可共戴

Niệm thế thù khởi khả cộng đới,

誓逆賊難與俱生

Thệ nghịch tặc nan dĩ câu sinh

痛心疾首者垂十餘年

Thống tâm tật thủ giả thùy thập dư niên

嘗 腑 卧 薪 者 益 非 一 日

Thường phủ ngọa tân giả cái phi nhất nhật —

發 憤 忘 食 每 研 談 韜 畧
之 書

*Phát phẫn vong thực, mỗi nghiêm đàm
thao lược chi thư*

卽 古 驗 今 細 推 究 興 亡
之 理

*Tức cổ nghiệm kim, tế suy cứu hưng
vong chi lý.*

圖 回 之 志

Đồ hồi chí chí

寤 寐 不 忘

Ngộ寐 bất vong

當 義 兵 初 起 之 時

Đương nghĩa binh sơ khởi chi thời

正 賊 勢 方 張 之 日

Chính tặc thế phương trương chi nhật,

柰 以 人 才 秋 葉

Nại dĩ nhân tài thu diệp

俊 傑 晨 星

Tuấn kiệt thần tinh

奔走後先者既乏其人

Bôn tẩu hậu tiên giả kỳ pháp kỳ nhân

謀謨帷幄者又寡其助

Mưu mô duy ốc giả hựu quả kỳ trợ

特以救民之念每爵爵

而欲東

Đặc dĩ cứu dân chí niệm, mỗi uất uất nhi dục đông.

故於待賢之車常汲汲

而虛左

Cố ư đãi hiền chi xa, thường cấp cấp nhi hư tả

然其得人之效茫若望洋

Nhiên kỳ đắc nhân chi hiệu, mang nhược vọng dương.

由已之心甚於極溺

Do kỷ chi tâm, thậm ư chủng溺

憤凶徒之未殄

Phẫn hung đồ chi vị diển

念國步之猶屯

Niệm quốc bộ chi do truân

靈山之食盡兼旬

Linh-sơn chi thực tận kiêm tuần

瑰縣之衆無旅

Khôi huyện chi chúng vô nhất lữ

蓋天欲困我以降厥任

*Cái thiên dục khôn ngã, dĩ giáng quyết
nhiệm*

故予益勵志以濟于艱

Cố dư ích lệ chí dĩ tế vu gian

揚竿爲旗氓隸之徒四集

Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập

校醪饗士父子之兵一心

*Đầu giao hưởng sĩ, phụ tử chi binh
nhất tâm*

以弱制彊或攻人之不備

*Dĩ nhược chế cường, hoặc công nhân chi
bất bị*

以寡敵衆常設伏以出奇

*Dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ
xuất kỳ*

率能以大義而勝凶殘

Tốt năng dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn

以至仁而易彊暴

Dĩ chí nhân nhi dịch cường bạo

蒲 滕 之 雷 驅 電 掣

Bồ tát chi lôi khu điện xiết

茶 醴 之 竹 破 灰 飛

Trà lãn chi trúc phá hôi phi

士 氣 以 之 益 增

Sĩ khí dĩ chi ích tăng

軍 聲 以 之 大 振

Quân thanh dĩ chi đại chấn

陳 智 山 壽 之 徒 聞 風 而
褫 魄

*Trần-Trí, Sơn-Thọ chi đồ, văn phong nhi
chí phách,*

方 政 李 安 之 輩 喘 息 以
偷 生

*Phương-Chính, Lý-An chi bối, xuyên tức
dĩ thâu sinh,*

乘 勝 長 驅 西 京 旣 爲 我 有

*Thừa thắng trường khu, Tây kinh kỷ vi
ngã hữu ;*

選 鋒 進 取 東 都 盡 復 舊 疆

*Tuyển phong tiến thủ, Đông đô tận phục
cựu cương.*

寧橋之血成川流腥萬里

*Ninh kiều chí huyết thành xuyén, lưu
tinh vạn lý.*

牢洞之屍滿野遺臭千年

Tốt động chí thi mãn dã, di xú thiên niên

陳洽賊之腹心旣梟其首

Trần Hiệp tặc chí phúc tâm, ký kiều kỳ thủ

李亮賊之奸蠹又殄厥身

*Lý Lượng tặc chí gian đố hữu diên quyết
thân,*

王通理亂而焚者益焚

*Vương Thông lý loạn nhi phần giả ích
phần,*

馬驥救鬪而怒者益怒

Mã Anh cứu đấu nhi nộ giả ích nộ.

彼旣窮而力盡束手待亡

Bĩ chí cùng nhi lực tận, thúc thủ dĩi vong;

我謀伐而心攻不戰自屈

*Ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến
tự khuất.*

謂彼必改心而易慮

Vị bĩ tất cải tâm nhi dịch lự.

豈意復作孽以速辜

Khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cố.

執一己之見以嫁禍於
他人

Chấp nhất kỷ chi kiến, dĩ giá họa ư tha nhân.

貪一時之功而貽笑於
天下

Tham nhất thời chi công, nhi di tiếu ư thiên hạ.

遂使宣德之狡童贖兵
無厭

Toại sử Tuyên đức chi giảo đồng, độc binh vô yếm,

爰命晟昇之懦將以油
救焚

Viên mệnh Thanh Thăng chi nọa tướng dĩ dầu cứu phần.

丁未九月柳昇引兵由
邱溫而進

Đinh mùi cửu nguyệt, Liễu Thăng dẫn binh do Khâu ôn nhi tiến.

本年今月沐晟分途自雲
南而來

*Bản niên kim nguyệt, Mộc Thạnh phân đồ
tự Vân Nam nhi lai.*

予既選伏兵塞險以摧
其鋒

*Dư ký tuyển phục binh tắc hiểm dĩ tồ
kỵ phong.*

後又調奇兵絕路以斷
其食

*Hậu hựu điều kỳ binh tuyệt lộ dĩ đoạn
kỵ thực.*

十八日柳昇既爲我所攻
繼墜於鎬陵之野

*Thập bát nhật Liễu Thăng ký vi ngã sở
công, kế truy ư Chi lăng chi dã.*

二十日柳昇又爲我所沛
身死於馬鞍山

*Nhị thập nhật, Liễu Thăng hựu vi ngã sở
bái, thân tử ư Mã yên chi sơn.*

二十五日保定梁銘陣
陷而喪軀

*Nhị thập ngũ nhật, Bảo định Lương Minh
trận hãm nhi táng khu ;*

二十八日尚書李鹿計
窮而刎頸

*Nhị thập bát nhật, Thượng thư Lý Khánh
kể cùng nhi vẫn cảnh,*

我自逆刃而解
Ngã tự nghịch nhện nhi giải.

彼卽倒戈相攻
Bỉ tức đảo qua tương công.

繼而四面添兵以包圍
Kế nhi tứ diện thêm binh dĩ bao vi.

期以十月中旬而殄滅
*Kỳ dĩ thập nguyệt trung tuần nhi diên
duyet.*

爰選貔貅之士
Viên tuyển tý hưu chi sĩ.

甲命爪牙之臣
Thân mệnh trảo nha chi thần.

象飲而江河乾
Tượng ẩm nhi giang hà can.

刀磨而石山缺
Đao ma nhi thạch sơn khuyết.

一 鼓 而 鯨 鯨 斷

Nhất cổ nhi kinh kinh khoa ngực đoạn.

再 鼓 而 鳥 散 腐 驚

Tái cổ nhi diều tán khuân kinh.

決 潰 蟻 於 崩 堤

Quyết hội nhĩ ư bằng đề.

振 剛 風 於 枯 葉

Chấn cương phong ư khô diệp.

都 督 崔 聚 膠 行 而 送 歎

Đô đốc Thôi Tụ lất hành nhi lũng khoản,

尚 書 黃 福 面 縛 而 就 斃

Thượng thư Hoàng Phúc diện phọc nhi tịu cầm.

僵 尸 塞 於 涼 山 諒 江 之 途

Cương thi tắc ư Lương sơn Lạng giang chi đồ.

濺 血 赤 於 昌 江 平 灘 之 水

Tiến huyết xích ư Xương giang Bình than chi thủy.

風 雲 爲 之 變 色

Phong vân vị chi biến sắc.

日 月 慘 以 無 光

Nhật nguyệt thảm dĩ vô quang.

其雲南兵爲我軍所阨於梨花
花自恫疑噓喝而先已破膽

*Kỳ Vân - Nam binh vì ngã quân sở ách
x lê hoa, tự đồng nghi khư hát nhi tiên dĩ
phá hủ.*

其沐晟眾見昇軍所敗於芹
站遂躡藉奔潰而僅得脫身

*Kỳ Mộc Thanh chúng vì ngã quân sở
bại ư Càn trạm, toại lạn tạ bốn hội nhi cận
đắc thoát thân.*

冷溝之血杵流江水爲
之嗚咽

*Lãnh câu nhi huyết trử lưu, giang thủy
vì chi ô yết.*

丹舍之屍山積野草爲
之殷紅

*Đan xá chi thi sơn tích, dã thảo vì chi
án hồng.*

兩路救兵旣不旋踵而
俱敗

*Lưỡng lộ cứu binh ký bất toản chủng
nhi câu bại.*

各城窮寇率相解甲以
出降

*Các thành cùng khầu xuất tương giải
giáp dĩ xuất hàng,*

賊首成擒彼旣掉殘卒乞
憐之尾

*Tặc thủ thành cầm, bỉ kỳ trạo tàn tĩ
khất liên chi vĩ,*

神武不殺我亦體上帝
好生之仁

*Thần vũ bất sát, ngã diệc thể thượng đế
hiếu sinh chi nhân,*

參政方政內官馬騏等先給
船五百艘旣渡海而猶且
塊驚魄散

*Tham-Chính Phương-Chính, Nội quan Mã
Kỳ đẳng tiên cấp thuyền ngũ bách tàu kỳ độ
hải nhi do thả hồn kinh phách tán ;*

總兵王通參政馬騏等又給
馬數千匹已還國而益自
股慄心驚

*Tổng binh Vương-Thông, Tham-chính Mã
Anh đẳng, hựu cấp mã sở thiên sắt dĩ hoạn
quốc nhi ích tự cổ lạt tâm kinh.*

彼既畏死貪生而修好有誠

Bỉ kỳ úy tử tham sinh nhi tư hiếu hữu thành,

予以全軍爲上而與民得息

Dư dĩ toàn quân vi thượng nhi dư dân đắc tức.

非惟謀計之極其深遠

Phi duy mưu kế chi cực kỳ thâm viễn.

抑亦古今之所未見聞

Ức diệc cổ kim chi sở vị kiến văn.

社稷以之奠安

Xã tắc dĩ chi điện an,

山川以之改觀

Sơn xuyên dĩ chi cải quán.

乾坤既否而復泰

Càn khôn kỳ bỉ nhi phục thái.

月既晦而復明

Nhật nguyệt kỳ hối nhi phục minh.

于以開萬世太平之基

Vu dĩ khai vạn thế thái bình chi cơ.

于以雪千古無窮之耻

Vu dĩ tuyết thiên cổ vô cùng chi sỉ.

蓋由天地祖宗有以

默佑而致然也

Cải do thiên địa tổ tông chi linh hữu dĩ

đơn tương mặc hữu nhi tri nhiên dã.

於戲一戎大定迄成無

定之功

Ô hô ! nhất nhung đại định, hất thành

vô cạnh chi công.

四海未清誕播維新之誥

Tứ hải vĩnh thanh, đản bá duy tân chi

cáo.

播告天下

Bá cáo thiên hạ.

咸使聞知

Hàm sử văn tri.

PHIÊN DỊCH

Bài cáo bình Ngô

Thay giới làm việc, Hoàng-Thượng dạy
rằng :

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

Quân điều phạt (1) trước lo trừ bạo

Nước Đại Việt ta,

Nên văn hiến cũ

Non nước côi bờ đã khác;
Bắc nam phong tục vẫn riêng.
Cơ đồ gây dựng trải Triệu, Đinh, Lý, Trần
Đê bá tranh hánh cùng Hán, Đường
Nguyên Tông,

Tuy mạnh yếu từng khi có khác, nhưng
bảo kiệt chẳng thừa nào không.

Cho nên :

Lưu Cung (2) tham công mà phải thua
Triệu Tiết (3) muôn lớn càng mau mất
Toa Đô đã bị bắt ở cửa Hàm-tử (4)
Ô-mã lại phải chết ở sông Bạch-đăng (5)
Xét lại việc xưa,

Hãy còn chứng rõ.

Gần đây nhân :

Họ Hồ (6) ngang ngược,

Lòng người căm hờn

Quân Minh thừa dịp dên hại dân,

Đáng nguy mạnh lòng đem bán nước

Hơ lũ đầu đen trên lửa nóng.

Đầy phường con đỏ xuống hang sâu.

Đôi giới hại dân, gian xảo đủ nghìn
muôn lời ;

Gây binh nhóm loạn, tàn hại trải hai
mươi năm.

Nhân nghĩa vút đi hải, vũ trụ tưởng
chùng muôn xập.

Thuê má vét cho đầy, núi khe sạch nhẫu
như chùi.

Kẻ bị đem vào núi đào vàng, ma thiêng
mước độc.

Người bị ép xuống khơi mò ngọc, cá nuốt
sống vùi.

Bầy dân cạm đặt khắp nơi nơi ;

Vét vật lưới chằng từng chôn chôn.

Dầu loài sâu bọ có cây, khôn bề rảnh sông ;

Đền kẻ góa bụa cùng khổ, khó nổi an thân

Máu mỡ dân chúng, sớm vất tội bôn ;

Nhà cửa công tư, nay xây mai dựng

Chôn châu lý nặng bề sưu dịch

Trông xóm làng quanh vắng cửi canh

Mức cạn nước Đông-hải, để má rửa sạch
tanh nhờ ;

Đản hêt trúc Nam-sơn, chẳng đủ biên ghi
tội ác.

Thần, người đều căm giận ;

Trời dật chằng dong tha

Ta phát tích từ núi Lam-sơn,

Nấu hình trong nơi hoang-dã.

Trước thù lớn làm ngơ không thể,

Cùng giặc giả chung sông được sao.

Đau lòng não ruột đã ngoài mười niên ;
nằm mặt nằm gai, phải đau một buổi.

Quên ăn, bỏ ngủ, dùi mài các sách lược thao ;

Xét xưa nghiệm nay, suy cứu mọi lẽ hưng
phê (7)

Đồ hồi chí định,
Thức ngủ không quên.
Giữa khi quân nghĩa nổi lên,
Chính lúc thê giặc đương mạnh.
Buồn nỗi nhân tài còn ít ỏi,
Tuân kiệt còn vắng thừa.
Chạy chọt sau trước không đủ người,
Trù hoạch mưu mô càng thiếu kẻ.
Chỉ vì lòng cứu dân không người nữa khắc
Cho nên xe đăi hiên (8) đành sẵn một bên
Nhưng đợi người, người vẫn xa xăm
Mà việc mình mình càng nóng sốt.
Giận tặc đồ chưa trừ khử được ;
Buồn quốc bộ vẫn truân kiền hoã.
Linh - sơn (9) lương cạn đèn hàng tuần,
Khôi huyện (10) quân không còn một toán.
!Bởi trời muốn thử ta để trao nhiệm vụ
Nên ta càng gắng chí để chòng gian nan
Tự tập các đám lưu dân, tay vác cần câu
ra đánh giặc (11)

Gắn bó một lòng phụ tử, rượu hòa nước
lã để khao quân (12)

Lây yêu chông mạnh, hoặc đánh lúc bất ngờ.
Lây ít địch nhiều, hoặc dùng quân mai phục.
Rút lại thì lay đại-nghĩa mà thắng được hung tàn ;

Lấy chí nỉ ân mà dễ được cường bạo.

Dải Bồ tát (13) sấm ran chớp giắt,

Miền Trà lân (14) trúc chẻ khói bay,

Sĩ khí nhân thế càng tăng thêm,

Quân thanh nhân thế càng lừng lẫy.

Một bọn Trần-Trí, Sơn-Thọ, nghe hơi mà bỏ vía:

Mấy gã Lý-An, Phương-Chính (15), nhịn thờ
cầu thoát thân;

Thừa thắng ruổi dài, Tây-Kinh (16) đã thu phục.

Thuận đường tì ăng tiến, Đông đô (17) lại lấy về.

Máu Ninh-Kiều (18) lênh láng thành sông, tanh trôi
muôn dặm :

Thầy Tốt động (19) rợn ngang đầy nội, như đe
nghìn năm.

Trần Hiệp là tâm phúc của giặc, đã phải bêu đầu,

Lý Lượng là sâu mọt dân ta, lại liền bỏ mạng.

Vương Thông nhảy vào chữa cháy mà càng cháy.

Mã Anh xông đến gỡ nguy mà càng nguy.

Bỏ tay đợi chết, họ đã quẫn cùng;

Không đánh tự tan, ta dùng mưu thuật.

Vấn tướng chúng phải thay lòng đổi ý,

Không ngờ họ còn giữ chuyện bày trò.

Vì ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu
kẻ khác;

Tham công danh một buổi, đề cười cho tất cả
nhân gian.

Do đó thẳng nhãi Tuyên-Đức (vua Minh) nổi giáo
không ngừng :

Khéo sai đồ khố Thanh Thăng, đem dầu chữa cháy.

Đình mùi (1427) tháng chín, Liễu Thăng dẫn binh từ Khâu ôn (20) tiến đến ;

Năm ấy tháng này, Mộc Thạnh chia đường từ Vân nam kéo sang.

Ta đã đặt phục binh, đánh cho giập đầu;

Sau lại dùng kỵ binh, chẹn cho đứt cuối.

Ngày mười tám, Liễu Thăng bị đánh, sa cơ ở ải Chi lăng. (21)

Ngày hai mươi Liễu Thăng bị thua, bỏ mạng ở gò Yên ngựa (Mã an) (22)

Ngày hai mươi lăm, bá tước Lương Minh lâm nguy phải tử trận ,

Ngày hai mươi tám, Thượng thư Lý Khánh, cùng kế phải quyền sinh.

Ta đưa mũi nhọn rạch phăng,

Họ quay đầu giáo đánh lộn.

Kế đó bốn mặt thêm quân dể vây bọc ;

Định đến trung tuần tháng mười sẽ diệt trừ.

Bèn tuyển những đội quân gấu hùm,

Và sai những bề tôi nanh vuốt,

Voi uống khiến nước sông voi cạn,

Gươm mài nên đá núi thủng mòn.

Một trận mà ngạc mồ kinh (23) phanh,

Hai trận mà chim tan thú giã.

Tổ kiến lớn phá toang dê núng,

Trận gió to rung trút lá khô.

Đô đốc Thôi Tụ quý gồi xin thương ;
Thượng thư Hoàng Phúc cúi đầu chịu trời.
Luong sơn, Lạng giang (24), thấy chết nằm
lê bộn.

Xương giang, Bình Than, (25) máu đỏ nhuộm
lênh láng.

Gió mây đến nổi bàng hoàng.

Nhật nguyệt ra chiều ảm đạm.

Đạo quân Vân nam bị ta ngăn chặn ở Lê hoa (26)
hồ đồ sợ bóng mà trước tự vỡ mặt ;

Thầy trò Mộc Thạnh thấy Thăng thua vỡ ở Cần
trạm (27), giầy đạp lẫn nhau mà chạy lấy thoát thân

Lãnh cầu (28) máu chảy đầy sông, nước vàng
liếng rú ;

Đan xá (29) thấy chồng khắp nội, cỏ dẫm
màu hoen.

Cứu binh hai đạo đã vỡ ngôi tan tành ;

Cùng khẩu các thành, đều còi giáp hàng phục.

Tướng giặc bị cùm, van vãn đã xin cho
toàn mạng ;

Thần võ chẳng giết, khoan hồng ta cũng mở
lượng hiếu sinh.

Bọn Tham Chính Phương Chính, Nội Quan Mã
Kỳ, trước được cấp năm trăm chiếc thuyền, đã
vượt bể mà vẫn Lồn kinh phách tán.

Lũ Tổng binh Vương Thông, Tham Chính Mã
Anh, lại được cấp mấy nghìn cỗ ngựa, đã về
nước mà còn mặt xám mày xanh.

Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu thực lòng ;
Ta lấy toàn quân là hơn đề nhân dân nghỉ sức.
Chẳng những mưu kế đã sâu xa nhiều lắm ;
Cũng là xưa nay chưa nghe thấy bao giờ.
Xã tắc từ đây vững yên.
Non sông từ đây đổi mới.
Càn khôn đã bĩ mà lại thái,
Nhật nguyệt đã mờ mà lại trong.
Đặng mở nền bình trị muôn năm,
Đặng rửa vết thẹn thùng nghìn thu.
Ấu cũng do trời đất tổ tông linh thiêng đã
thăm lặng giúp vì mới được như thế.

Ôi !

Ba quân dong ruổi, hoàn thành công vô cạnh (28)
mình nay.

Bốn bề ihăng bình, bá cáo lời duy tàn tự đó.

Bảo khắp thiên hạ,

Ai nấy đều hay.

CHÚ THÍCH

(1) Do chữ *điều dân phạt tội*, nghĩa là thăm viếng dân và đánh kẻ có tội.

(2) Lưu Cung là vua nước Nam-Hán, sai Thái-tử Hoảng-Thảo đem quân sang lấn nước ta, bị thua với vua Ngô-vương-Quyền

(3) Triệu-Tiết là tên một viên tướng nhà Tống cùng Quách-Quỳ cầm quân sang lấn nước ta, về đời vua Lý-nhân-Tôn bị thua với ông Lý-thường-Kiệt.

(4) Toa-Đô là tướng Nguyên, sang cướp nước ta về đòi nhà Trần, theo sử thì y bị chết ở trận Tây-kết (Hưng-yên).

(5) Ô-Mã-Nhi cũng là tướng Nguyên, bị bắt sống ở trận Bạch-Đàng : khi tha về quân ta đục thuyền cho hắn chết ở bể.

(6) Cha con Hồ-quý-Ly cướp ngôi nhà Trần.

(7) Hưng là đầy thính, phước là đồ nài

(8) Tin-lãng-Quân nước Ngụy nghe tiếng Hầu-Doanh là một người hàn sĩ, đem xe đến đón mình ngồi phía hữu, để trống phía tả để chờ đón Hầu-Doanh. Phàm bên tả là ngôi trên.

(9) Núi Chí-linh ở huyện Thụy-Nguyên Thanh-hóa.

(10) Thuộc Thanh-hóa.

(11) Văn của Giả Nghị có câu : « yết cần vi kỳ » giờ cần câu lên làm cò, nói sự khởi binh vội vàng.

(12) Ngày xưa có viên lương tướng cầm quân người ta biểu một hũ rượu, sai đem đồ xuống dòng sông rồi cùng ba quân múc nước sông cùng uống. tỏ ý chia ngọt sẻ đắng.

(13-14) Đều ở Thượng du Nghệ-An

(15) Mấy tên này đều là tên tướng Minh

(16) Tức thành Tây-nhai ở Thanh-hóa, do nhà Hồ đắp.

(17) Tức Thăng-long, nay là Hà-nội

(18-19) Nay đều thuộc tỉnh Hà-dồng

- (20) Thuộc Lạng sơn.
(21-22) Đều thuộc Lạng sơn.
(23) Mạc là cá sấu, kinh là cá voi, thường dùng để ví với 'oải giặc dữ'.
(24) Nay thuộc Bắc giang.
(25) Xương giang nay thuộc Bắc giang ; Bình than nay thuộc Hải dương.
(26) Trưng truyên xưa thuộc Tuyên quang, nay ngập vào đất Tàu.
(27) Cẩn tram ở Lạng sơn.
(28-29) Những tên đất gần ải Lê hoa.
(30) Không ai tranh cạnh được.



贈 昭 儀 爲 皇 太 妃 制

Tặng Chiêu nghi vi

Hoàng Thái-phi chế

朕 惟

Trẫm duy

克 敬 惟 親

Khắc kính duy thân

適 追 來 孝

Quạt truy lai hiếu

撫 高 帝 艱 難 之 業

Phủ Cao đế gian nan chi nghiệp.

惟 中 閨 翊 亮 之 勤

Duy trung khuê dực lượng chi cần

載 敷 大 號 於 朝 廷

Tái dương đại hiệu ư triều đình,

用 豢 淑 靈 於 幽 寂

Dụng thỏả thực linh ư u tịch.

具 位 某

Cụ vị mỗ

秉 持 懿 德

Bính trì ý đức,

經 車 先 朝

Kinh sự tiên triều.

遭 板 蕩 之 乾 坤

Tào bản đãng chi cần khôn,

共 櫛 沐 其 風 雨

Cộng chắt mộc kỳ phong vũ

奉 承 箕 箒 無 忘 灑 掃 之 心

Phụng thừa cơ trửu, vô vong sái tảo chí tâm

綢 繡 衣 裳 期 盡 彌 縫 之 益

Uân bổ y thường, kỳ tận di phùng chi ích

一 心 在 御

Nhất tâm tại ngự

十載靡虧

Thập tải mỹ khuy.

芒 碭 雲 氣 睢 水 風 沙 尤
備 嘗 於 險 阻

*Mang trường vân khí, Tuy thủy phong sa
Doãn bị thường ư hiểm trở.*

滹 沱 麥 飯 萁 亭 豆 粥 常
相 助 其 渴 饑

*Hồ đà mạch phạn, lâu đình đậu chúc
thường tương trợ kỳ khát cơ.*

蚊 螫 極 之 寧 安

Tri ngao cực chi diện an.

多 鷄 鳴 之 儆 戒

Đa kê minh chi cảnh giới.

方 母 后 不 幸 而 升 逝

Phương mẫu hậu bất hạnh nhi thăng thế

獨 朕 身 有 賴 其 扶 持

Độc trẫm thân hữu赖 kỳ phù trì

深 懷 顧 復 之 恩

Thâm hoài cố phục chi ân

敢 后 追 崇 之 典

Cảm hậu truy sùng chi điển

粵 考 成 周 之 遺 制

Việt khảo thành chu chi di chế

宜 加 太 妃 之 新 風

Nghi gia Thái phi chi tân phong

于 以 彰 保 佑 之 功

Vu dĩ chương bảo hộ chi công,

于 以 盡 榮 哀 之 禮

Vu dĩ tận vinh ai chi lễ.

於 戲

Ô hô

棉 翟 命 服 流 輝 無 間 其
存 亡

*Huy dịch mệnh phục lưu huy vô gián kỳ
tồn vong.*

馬 羣 漏 泉 賞 飭 有 光 於
溟 漠

*Mã lạp lậu toản, bi sức hữu quang ư
minh mạc.*

PHIÊN DỊCH

**Bài chề tặng bà Chiêu-Nghi
làm Hoàng Thái phi (1)**

Trẫm nghĩ :

Thờ thần phải kính,

Lập hiếu đề sau.

Giữ cái nghiệp gây dựng gian nan của đức
Cao hoàng,

Nhớ đến công giúp giập siêng năng của bậc
trung khôn

Vậy lễ triều đình phải tôn xưng hiệu lớn,

Đề coi u tịch được yên úy hồn thiêng.

Đức bà Mỗ.

Cầm giữ đức tốt,

Thờ phụng tiên triều.

Gặp khi trời đất chông chênh.

Trải bước gó mưa lặn đạn.

Nâng khăn sửa túi ; bốn phận không quên,

Vá áo khâu xiêm, công lao chẳng quản.

Mười năm thác mắc,

Một dạ đinh ninh.

Mang-trường mây rợp (2). Tuy thủy cát bay (3),
mấy độ gian nan trải nếm.

Hố là com chiêm, Lâu đình cháo đậu (4), bao
phen đói khát từng qua.

Rồng bay ngời được vừng vàng,

Gà gáy (5) công nhờ khuyên giục.

Buổi mẫu-hậu không may thắng thệ.
Riêng trăm-thần được cậy phù-trì.
Ơn dày chần đăt khôn quên,
Lẽ lớn truy sùng dám trề.
Phép cũ Thành Chu tra xét lại,
Thệ mới Thái-phi tôn rước lên.
Đề tỏ cội nguồn dắc rày nào,
Đề hết lẽ vinh ai buổi ấy.
Chao ôi !
Áo xiêm rực rỡ, dù khi mất cũng như còn,
Năm dất mịt mờ, kẻo cõi tối đề nên sáng.

CHÚ THÍCH

(1) Bà Chiêu nghi này là vợ vua Thái Tổ. Bà Sinh-mẫu của vua Thái Tông, là Phạm thị mất sớm bà chần nuôi vua như con đẻ, bởi vậy khi vua lên ngôi, làm lễ tôn phong bà lên.

(2) Hán Cao Tổ khi còn hàn vi, vào ẩn nấu ở núi Mang trường, sách nó là khi ấy thường có đám mây ngũ sắc che ở bên trên.

(3) Hán Cao Tổ bị quân Sở vây ở Tuy-thủy-nhờ có một trận gió bão tung cát mù mịt, mới được giải vây mà thoát nạn.

(4) Vua Hán Quang-Võ nổi quân trung hưng, khi bị hết lương ở sông Hồ dã, có Phùng Dị dâng cơm chiêm để vua xơi ; lại khi vua bị đói ở Vu lâu đình, Phùng Dị dâng cháo đậu.

(5) Thơ Kê minh ở Tề phong trong Kinh Thi, nói bà hiền phi nghe tiếng gà gáy thì đánh thức vua dậy, ra triều coi việc chính sự.

贈昭儀爲貞懿元妃制
Tặng Chiêu nghi vi Trinh-ý
nguyên phi chế

朕 惟
Trẫm duy :

聖人制禮道莫大於親
親

Thánh nhân chế lễ, đạo mạc đại ư
thân thân

朝廷推恩義尤敦於貴
貴

Triều đình suy ân, nghĩa ưu đôn ư
quý quý

載頒制綈

Tái ban chế phát

用賁幽扃

Dụng bì u quynh

具位某

Cụ vị mỗ

淑 惟 柔 嘉

Thục thân nhu gia

端 貞 靜 一

Đoan trinh tĩnh nhất

當 乾 坤 革 昧 之 際

Đương càn khôn thảo muội chi tế

形 宮 壺 勤 儉 之 風

Hình cung khôn cần kiệm chi phong.

靈 山 之 糗 糒 艱 難 尤 資
主 饋 。

*Linh sơn chi khưu phần gian nan, ưu
tự chủ quỹ*

灑 露 之 衣 裳 襁 褓 正 賴
彌 縫

*Lã lộ chi y thường lam lữ, chính bại
di phùng*

每 念 佐 輔 先 朝 之 功

Mỗi niệm tả phụ tiên triều chi công

豈 忘 保 佑 冲 人 之 德

Khởi vong bảo hộ sung nhân chi đức.

時 方 大 定

Thời phương đại định

Nhân dĩ vân vong

欲伸至孝之情

Dục thân chí hiếu chí tình

敢後追崇之典

Cảm hậu truy sùng chi điển

是用權寘三妃之列

Thị dụng trọng chi tam phi chi liệt

以昭異數之榮

Dĩ chiếu dị số chi vinh

於戲

Ô hô

生養雖殊恩有同於罔極

*Sinh dưỡng tuy thù ân hữu đồng ư
vô cùng cực*

死生無間期默佑於永終

*Tử sinh vô gián, kỳ mặc hộ ư
vĩnh chung.*

PHIÊN DỊCH

**Bài chề tặng bà Chiêu-nghị
làm Trinh-ý nguyên-phi**

Trăm nghĩ :

Thánh nhân đặt lễ, đạo không gì trọn hơn
thần mến đứng thân.

Triều đình ra ân, nghĩa chẳng gì hơn quý
trọng bậc quý.

Vậy ban lời chề,

Đề rạng cõi mờ,

Đức Bà Mẫu

Vốn người đứng dẫn dụ dăng,

Đoan trang tĩnh nhất.

Đương gặp buổi hoang rậm của trời đất,

Đã tỏ nếp cần kiệm chốn cung đình.

Buổi Linh-sơn (1) lương thực gieo neo, từng nhờ
tân tảo.

Ngày Lãm-lộ (2) áo xiêm rách rưới, vẫn cậy
khâu may.

Những nhớ công giúp giập tiên-triều,

Lại cảm đức bù-tri tiều-tử

Buổi vừa đại định.

Người đã xa vời.

Tinh chí hiếu muốn tỏ ra

Lễ truy sùng nên nhớ đến,

Vậy tôn lên bậc phi-hậu

Đề rạng cái vinh tuyệt vời

Than ôi !

Sinh nuôi dưỡng khác, ăn sao đầy bụng cũng như nhau.

Sống thác không riêng, đức che chở cúi mong nhờ mãi.

CHÚ THÍCH

(1) Tức núi Chí-linh

(2) Tên một cái trại thuộc đất Thanh-hóa.

Ờ chiêu khuyến dụ các hào kiệt (1)

Nay các thành đã phá, duy còn thành Đông-quan chưa hạ, ta vì thế nằm không yên chiếu, ăn không ngon bữa, sớm hôm lo lắng. Vả tả hữu của ta còn chưa được người, ta tuy là chủ tướng nhưng một thì già yếu bất tài, hai thì ít học cạn biết, ba thì gánh nặng khôn cang đáng nổi, mà Tướng quốc, Thái bảo, Thái phó chưa đặt, Thái úy, Đô Nguyên súy còn thiếu, Hành khiển cùng các quan chức khác mười phần mới có một, hai. Bởi vậy lén mình tổ lòng, khuyến các hào kiệt đều nên hợp sức giúp giập muôn dân, đừng nên giấu tài nấu vệt, khiến thiên hạ phải hăm mãi trong cảnh lâm cát. Hoặc có những người cao tiết như Tử-hiệu (2), gia độn như Tử-phòng (3), cũng hằng nên vì dân cứu nạn, đợi sau khi thành công mà nếu muốn được thỏa chí xưa lại về rừng núi, ta cũng không cấm.

CHÚ THÍCH

(1) Tờ chiếu này phát ra khi đức Thái-tổ ở bến Bồ-đề sông Nhị.

(2) Tứ hiệu là bốn ông già : Đông-Viên-Công, Ý-Lý-Quý, Hạ-Hoàng-Công, Nhiễm-Lý tiên sinh, nhân tránh loạn đời Tần, vào ẩn ở trong núi Thương-lạc, sử gọi là Thương-sơn tứ-hiệu.

(3) Gia độn là sự ẩn độn hợp với lẽ chính, chữ ở quẻ Độn trong kinh Dịch. Tử-phòng là Trương-Lương đời Hán.

Tờ chiếu rút quân khi dẹp xong mường Phục-lễ (1)

Chiếu rằng : Dân Miên trái mệnh mà vua Hạ-Vũ đi đánh, người Mạt chẳng kính mà vua Thái-vương (3) bưng giận. Mường Lễ từ xưa nội thuộc nước ta, làm phiên thần ta, Gần đây nhân tiền-triều suy sút, nhà Vương rối ren, việc biên phòng bỏ trễ nải, mường ấy bèn cậy thế hiểm trở, sinh ra hỗn xược, không cung thuế má, xâm nhiễu ngoài ven, ngược hạ dân lành ; các trấn như Thái-nguyên, Tuyên-Quang, Hưng-Hóa, Gia-Hưng bị hại càng lắm. Trẫm từ khi chịu mệnh, ưa sự hoà nhu (4) coi dân mường mọi cũng như dân trung thổ. Thổ-tù là Diên-cát-Hãn quen với thói cũ, không chịu đến chầu Trẫm vẫn đem tín-ngĩa tỏ ra với họ, thêm lời phủ dụ và phong

cho trước đây, ban cho ân dầy. Nhưng hẳn dạ thù lòng lang, vẫn mang chí khác, quên ân bội nghĩa giở mặt làm thù, rủ rê bọn kẻ nghịch là con giai Hối-Khánh và Đinh-Quế, dụ lũ dân chúng ngoài biên, mưu việc phạm phép, tụ họp bè cánh mỗi ngày một to, lại cùng nghịch thần Ai-lao là bọn Kha-lại kết thành một tụi, đánh chiếm lấy đất Ai-lao và các xứ Mường. Mỗi nhân dân trại Mán thường bị nhiễu hại. Bàn-già ở Ai-lao sai sứ xin quân cứu viện. Trẫm là cha mẹ dân, thay giới ngự trị, gần xa khắp cõi đều là con đỏ của triều-đình không nỡ để một phương riêng chịu nổi thống khổ, bởi vậy sai tướng giãn quân đi đánh. Cát-Hãn đem hết bộ quân chống lại với ta. Trận đánh ở mường Kỵ, Kha-Lại thua vỡ, đầu-mục của Cát-Hãn là bọn Lâm Cương sợ hãi chạy cuống, còn sai những kẻ đầu mục khác xuất lĩnh tù-trưởng mường Bồ là bọn Đinh-Quế, dắt lũ kẻ nghịch là Thượng-hối-Khánh thẳng tiến phạm vào các xứ Gia Hưng. Đà-giang của ta, hiếp dụ dân ngu cùng gây cuộc loạn. Trẫm nghĩ loạn-thần, tặc-tử là những kẻ thiên-bại đáng cùng giết chết. Năm ngoái Khắc-Thiệu làm phản ở trấn Thái-Nguyên thực do tên Hãn (5) cớ sự, nay Cát Hãn dấy nghịch lại là do tên Xảo ngầm mưu. Mầm vạ này sinh cần phải trừ diệt. Trẫm bèn trước sai Tư-đồ Lê-Sát lĩnh quân do đường Đà-lăng tiến đánh, lại sai quốc vương Tư-tề (6) thống binh do ải Bắc tiến chặn mặt

sau, trăm tự dẫn quân đo miền Gia-Hưng kéo đến. Lữ nghịch Đinh-Quế trông chiều gió mà vỡ chạy. Quân ta đuổi theo, thẳng đến tướng-dinh mừng Bồ, kẻ nghịch là con giai Hối Khanh bị Mán-Xá giết chết. đưa đầu đến nộp cửa dinh, bắt sống được Đinh-Quế và vợ con, lại bắt và giết được quân giặc không biết bao nhiêu mà kể. Ta bèn chia quân thủy bộ đều t ến, ngày 20 tháng giêng năm nay, đến thẳng sào huyệt của Cát Hãn. Trước đây nghịch thần Ai-lao là Kha-Lại trốn ở mừng Lự. nghe quân trăm đến, dân Mừng giết Kha-Lại đưa đầu đến đón xin hàng. Gát-Hãn cũng bỏ vợ con đồ đảng mà chạy. Trăm bèn sai Tư-đồ tiến binh đến mừng Địch. Quốc-vương đóng binh ở mừng Tô, vào núi vén mở các chỗ hiểm trở. Lại sui các tướng chia binh đến những chỗ hiểm trong các mừng, lũng bắt quân nghịch, bắt sống được vợ con đồ đảng của Cát-Hãn cùng những dân ông dân bà hơn 3 vạn người, trâu dê, guom giáo, thuyền bè, đồ vật không biết bao nhiêu mà kể bèn chia đặt châu huyện, thu vào bản đồ. Nay nhân lúc đem quân khải hoàn, làm lễ biến tù (7) ở nhà thanh miếu, vậy ban tờ cáo thị đề thần dân thiên hạ đều hay. Phạm kẻ làm tội, nên lấy Hãn, Xảo làm răn, kẻ làm phiên-trấn nên lấy Cát Hãn, Khắc-Thiệu làm răn, thì thần dân của ta sẽ được cùng hưởng phúc thái bình muôn thuở, mà những kẻ ấy phúc rạch đời sau sẽ được đời dào mãi.

CHÚ THÍCH

(1) Tháng giêng năm Nhâm-tý thứ 5 (1432) thổ tù mừng Lễ là Điều-cát-Hãn cùng Phan-văn-Xảo liên mưu làm loạn, lại kết với nghịch thần Ai-lao là Kha-lại xâm lấn mừng Mỗi. Vua sai Tư-dồ Lê-Sát, Quốc-vương Tr-tề đi đánh, liên lại ngự giá thân chinh, Kha-Lại phải giết, Điều-cát-Hãn chạy trốn, bắt sống được hết đồ đảng, lấy đất dặt làm châu Phục-lễ. Ngày mồng 3 tháng 3 rút quân về,

(2) Tên một giống dân mọi ở Tàu.

(3) Mật là tên một xứ đời xưa. Thái vương là một vị chúa tể tiên nhà Chu.

(4) Mến yêu, mềm mỏng đối với người nước ngoài.

(5) Tức Trần Nguyên Hãn.

(6) Tư-Tề là con vua Thái-tổ, năm Thuận-thiên thứ 2, vua phong cho làm Quốc-vương.



CÙNG ĐỘC GIẢ

Quyển sách này in ra, vì tác giả ở xa Hanoi, không rông nom kỹ được, nên không khỏi có một đôi chỗ sai nhầm, nhất là về phần chữ hán, thợ khắc có khác sai và bỏ sót mất một ít chữ, vậy xin các bạn độc giả lượng thứ. *Tác giả*

Sách này in xong tại nhà in Lê-Cường ngày 8 Mars 1945 giấy phép số 307 do phòng Báo-chí Bắc-Kỳ cấp ngày 18 Août 1944